

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền; Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính nội bộ (TTHC NB) và nội dung cụ thể từng TTHC NB trong hệ thống hành chính nhà nước ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể:

- TTHC NB cấp tỉnh: 60 thủ tục
+ TTHC mới ban hành: 11 thủ tục;
+ TTHC giữ nguyên: 49 thủ tục.
- TTHC NB cấp xã: 07 thủ tục
+ TTHC mới ban hành: 02 thủ tục;
+ TTHC giữ nguyên: 05 thủ tục.

(Có kèm Phụ lục gồm: Phụ lục 1: Danh mục TTHC NB; Phụ lục 2: Nội dung, cụ thể từng TTHC NB).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (cũ) về việc công bố TTHC NB trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Quyết định số 516/QĐ-UBND-HC ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (cũ) về việc công bố TTHC NB trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc công bố TTHC NB mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KS TTHC);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, Phòng KGVX, TTPVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Đ).

CHỦ TỊCH

Phạm Thành Ngại

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Tên TTHC NB	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. TTHC NB CẤP TỈNH			
I. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA			
1.	TTHC NB MỚI BAN HÀNH		
1	Thủ tục xếp hạng, xếp hạng bổ sung di tích; bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích đối với di tích cấp tỉnh	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
2	Thủ tục hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích cấp tỉnh	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
3	Thủ tục điều chỉnh thu hẹp hoặc mở rộng ranh giới khu vực bảo vệ di tích cấp tỉnh	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
4	Thủ tục đưa di vật, cổ vật thuộc sở hữu toàn dân đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh/cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5	Thủ tục đưa di vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
6	Thủ tục phê duyệt kế hoạch bảo quản, phục chế bảo vật quốc gia (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
7	Thủ tục phê duyệt đề án, dự án, kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu được ghi danh (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
8	Thủ tục phê duyệt dự án, kế hoạch phục chế di sản tư liệu được UNESCO ghi danh (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh

TT	Tên TTHC NB	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
9	Thủ tục đưa di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
10	Thủ tục đưa di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
11	Thủ tục xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng hạng II, hạng III (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
2	TTHC NB GIỮ NGUYÊN		
12	Thủ tục đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh và di tích trong Danh mục kiểm kê di tích thuộc sở hữu toàn dân	Di sản văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở VH-TTDL)
13	Kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
14	Phê duyệt danh mục tên đường và công trình công cộng	Di sản văn hóa	UBND tỉnh/ HĐND cấp tỉnh
15	Đặt mới, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh	Di sản văn hóa	UBND tỉnh/ HĐND tỉnh
16	Hồ sơ đề nghị lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh	Di sản văn hóa	Sở VH-TTDL
17	Thủ tục phê duyệt quy hoạch khảo cổ	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
18	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
19	Thủ tục phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
20	Thủ tục phê duyệt quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh

TT	Tên TTHC NB	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
21	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
22	Thủ tục xác nhận di tích xuống cấp để lập dự án tu bổ di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
23	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
24	Thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
25	Thủ tục thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
26	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
27	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
28	Thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
29	Thủ tục thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
30	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh

TT	Tên TTHC NB	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
31	Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
32	Thủ tục phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
33	Thủ tục thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
34	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
35	Thủ tục lấy ý kiến Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
36	Thủ tục phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
37	Thủ tục thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
38	Thủ tục phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
39	Thủ tục thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
40	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh

TT	Tên TTHC NB	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
41	Thủ tục thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
42	Thủ tục phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
43	Thủ tục thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
44	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
45	Thủ tục lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm trong khu vực bảo vệ di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
46	Thủ tục lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích đối với di tích cấp tỉnh	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
47	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp cấp giấy phép xây dựng)	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL
48	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu	Di sản văn hóa	Sở VH TTDL

TT	Tên TTHC NB	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp cấp giấy phép xây dựng)		
49	Thủ tục phê duyệt đề cương trưng bày bảo tàng công lập (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
50	Thủ tục quyết định việc tổ chức liên hoan 01 hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
51	Thủ tục tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
52	Thủ tục phê duyệt đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
53	Thủ tục phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
54	Thủ tục phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới (cấp tỉnh)	Di sản văn hóa	UBND tỉnh
II. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ			
55	Thủ tục quyết định tổ chức bắn pháo hoa nổ hoặc thay đổi tầm bắn, thời lượng bắn pháo hoa nổ	Văn hóa cơ sở	UBND tỉnh
III. LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM			
56	Thủ tục phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	UBND tỉnh
57	Thủ tục điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	UBND tỉnh

TT	Tên TTHC NB	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
IV. LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI			
58	Cung cấp thông tin giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch (địa phương)	Thông tin đối ngoại	Sở VH TTDL
V. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH			
59	Nộp xuất bản phẩm lưu chiều đối với xuất bản phẩm dạng in (địa phương)	Xuất bản, in và phát hành	Sở VH TTDL
60	Nộp xuất bản phẩm lưu chiều đối với xuất bản phẩm điện tử (địa phương)	Xuất bản, in và phát hành	Sở VH TTDL
B. TTHC NB CẤP XÃ			
I. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA			
1. TTHC NB MỚI BAN HÀNH			
1	Thủ tục thành lập Câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Di sản văn hóa	UBND cấp xã
2	Thủ tục đưa di vật, cổ vật thuộc sở hữu toàn dân đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước (cấp xã)	Di sản văn hóa	UBND cấp xã
II. LĨNH VỰC HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC			
1. TTHC NB GIỮ NGUYÊN			
3	Công nhận Quy ước	Hương ước, quy ước	UBND cấp xã
4	Tạm ngừng thực hiện Quy ước	Hương ước, quy ước	UBND cấp xã
5	Bãi bỏ Quy ước	Hương ước, quy ước	UBND cấp xã
III. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ			
1. TTHC NB GIỮ NGUYÊN			
6	Xét tặng danh hiệu “Khu phố, xóm, ấp văn hóa”	Văn hóa cơ sở	UBND cấp xã
7	Xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”	Văn hóa cơ sở	UBND cấp xã

Phụ lục 2
NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA

1. Thủ tục xếp hạng, xếp hạng bổ sung di tích; bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích đối với di tích cấp tỉnh

(1) Trình tự thực hiện:

(1) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi 01 bộ hồ sơ khoa học tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(2) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định; xem xét, quyết định việc xếp hạng, cấp bằng xếp hạng, xếp hạng bổ sung, hoặc quyết định bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích cấp tỉnh.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét xếp hạng, xếp hạng bổ sung di tích; bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ. Đối với hồ sơ khoa học đề nghị bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích còn phải thuyết minh, làm rõ sự cần thiết đề xuất thay đổi, điều chỉnh.

(2) Bản thuyết minh tóm tắt gồm tất cả thông tin chính được trích lược từ phần nội dung chính trong lý lịch di tích quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ, bao gồm bản đồ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ được thu nhỏ trong khổ giấy A4 để chỉ rõ ranh giới, diện tích các khu vực khoanh vùng bảo vệ của di tích.

(3) Lý lịch di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Biên bản và bản đồ khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ. Biên bản khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Tập ảnh màu khảo tả di tích, hiện vật thuộc di tích quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(6) Bản vẽ kỹ thuật di tích quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(7) Bản thống kê hiện vật thuộc di tích theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(8) Bản dập, dịch văn bia, câu đối, đại tự và các tài liệu Hán Nôm hoặc tài liệu bằng các loại ngôn ngữ khác có ở di tích quy định tại khoản 7 Điều 9 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(9) Đơn đề nghị xếp hạng di tích hoặc xếp hạng bổ sung di tích hoặc bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Ý kiến bằng văn bản của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 90 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

(4) **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học theo quy định.

(5) **Đối tượng thực hiện TTHC NB:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) **Cơ quan giải quyết TTHC NB:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(7) **Kết quả thực hiện TTHC NB:** Quyết định.

(8) **Phí, lệ phí:** Không quy định.

(9) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ trình phê duyệt quy hoạch khảo cổ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

- Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét xếp hạng, xếp hạng bổ sung di tích; bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Lý lịch di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Biên bản khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Bản thống kê hiện vật thuộc di tích theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Đơn đề nghị xếp hạng di tích hoặc xếp hạng bổ sung di tích hoặc bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(10) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB:** Không quy định.

(11) **Căn cứ pháp lý của TTHC NB:**

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

- Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

.....(01)....

....(02)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Về việc(04).....

Kính gửi:(03).....

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ kết quả cuộc họp của Hội đồng thẩm định ngày ... tháng ... năm... Trên cơ sở giá trị của di tích/di sản tư liệu, ...(01)/(02).... đã xây dựng nội dung hồ sơ (ghi nội dung đề nghị, tên di tích/di sản tư liệu)....., xã/phường/đặc khu tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương kính đề nghị(03)..... xem xét, quyết định(04)..... (gửi kèm theo hồ sơ).

(Đối với hồ sơ đề nghị bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích/di sản tư liệu còn phải thuyết minh, làm rõ sự cần thiết đề xuất thay đổi, điều chỉnh).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

- Lưu: VT, ...

...(01)/(02)....

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ
người ký)

.....(01).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(02).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH

1	Tên gọi di tích: Tên gọi di tích được thống nhất sử dụng trong hồ sơ khoa học di tích; các tên gọi khác của di tích (nếu có) và nguồn gốc tên gọi đó.
2	Địa điểm và đường đi đến di tích: - Địa điểm di tích: ghi đầy đủ tên gọi cũ và tên gọi mới của địa phương có di tích gồm số nhà, đường phố, xóm, làng, xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) và nêu rõ nguyên nhân của việc đổi tên qua các thời kỳ; - Đường đi đến di tích: ghi rõ khoảng cách từ trung tâm hành chính của tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) nơi có di tích đến địa điểm di tích và chỉ dẫn cụ thể đường đến di tích bằng các phương tiện giao thông.
3	Phân loại di tích: Căn cứ kết quả khảo sát, nghiên cứu về di tích để phân loại di tích theo quy định tại Điều 21 Luật Di sản văn hóa. Trường hợp di tích chứa đựng nhiều loại giá trị thì phân loại theo các giá trị đó, bắt đầu từ giá trị tiêu biểu nhất (ví dụ: di tích khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật; di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh).
4	Bản đồ chỉ rõ ranh giới, diện tích các khu vực khoanh vùng bảo vệ của di tích.
5	Sự kiện, nhân vật lịch sử, đặc điểm của di tích: - Đối với di tích lịch sử: trình bày sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến di tích; tổng thuật các kết quả nghiên cứu đã có và nêu rõ cơ sở khoa học, nhận định của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ khoa học di tích về sự kiện, nhân vật lịch sử đó. - Đối với di tích kiến trúc nghệ thuật: trình bày tóm tắt về sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến di tích (nếu có) và quá trình xây dựng, bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo di tích; tổng thuật các kết quả nghiên cứu đã có và nêu rõ cơ sở khoa học, nhận định của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ khoa học di tích về quá trình xây dựng, bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo di tích. - Đối với di tích khảo cổ: tổng thuật quá trình phát hiện, khai quật di tích, các kết quả nghiên cứu đã có và nêu rõ cơ sở khoa học, nhận định của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ khoa học di tích về niên đại, chủ nhân, đặc trưng, tính chất của di tích đó. - Đối với danh lam thắng cảnh: trình bày tóm tắt sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan trực tiếp đến danh lam thắng cảnh (nếu có) và nêu rõ các đặc điểm của danh lam thắng cảnh về cảnh quan thiên nhiên, địa chất, địa mạo, địa

	lý, đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù hoặc những dấu vết vật chất về các giai đoạn phát triển của trái đất.
6	Sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng liên quan đến di tích: Miêu tả chi tiết lễ hội và các sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng khác liên quan đến di tích; tổng thuật các kết quả nghiên cứu đã có và nêu rõ cơ sở khoa học, nhận định của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ khoa học di tích về đặc điểm, giá trị lịch sử - văn hóa của lễ hội, sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng liên quan đến di tích.
7	Khảo tả di tích: - Giới thiệu khái quát về phạm vi, quy mô, bố cục mặt bằng tổng thể của di tích, cảnh quan môi trường khu vực di tích; đánh giá khái quát hiện trạng kỹ thuật của di tích và nêu rõ mức độ hư hại, xuống cấp của di tích, tình trạng vi phạm di tích (nếu có). - Giới thiệu cụ thể đối với từng loại di tích: Đối với di tích lịch sử: miêu tả chi tiết công trình xây dựng, di vật và vết tích còn lại liên quan đến sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với di tích; Đối với di tích kiến trúc nghệ thuật: miêu tả chi tiết kỹ thuật xây dựng, kết cấu kiến trúc, vật liệu xây dựng, các đề tài, họa tiết và nghệ thuật trang trí của từng hạng mục kiến trúc cấu thành di tích; Đối với di tích khảo cổ: nêu rõ các thành phần, đặc điểm, tầng văn hóa, hiện vật quan trọng được phát hiện trong quá trình nghiên cứu, thăm dò, khai quật di tích; hiện trạng của di tích; Đối với danh lam thắng cảnh: miêu tả chi tiết về cảnh quan thiên nhiên, địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù hoặc khu vực thiên nhiên chứa đựng những dấu vết vật chất về các giai đoạn phát triển của trái đất; miêu tả các công trình kiến trúc, nghệ thuật liên quan đến danh lam thắng cảnh (nếu có).
8	Sơ đồ phân bố di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia thuộc di tích: Lập sơ đồ vị trí các di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia (sau đây gọi chung là hiện vật) thuộc di tích tại thời điểm lập hồ sơ khoa học di tích; chú thích rõ tên gọi, mã số hiện vật được thể hiện trên sơ đồ theo đúng tên gọi và mã số hiện vật được ghi ở Bản thông kê hiện vật thuộc di tích quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.
9	Giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích: Đánh giá tổng quát giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích và nêu rõ những giá trị nổi bật của di tích được tổ chức, cá nhân lập hồ sơ khoa học di tích lấy làm căn cứ để xác định loại di tích.
10	Ảnh màu khảo tả di tích và di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia thuộc di tích được lồng ghép vào các mục tương ứng của lý lịch di tích.
11	Thực trạng bảo vệ và phát huy giá trị di tích: Nêu rõ tên tổ chức, cá nhân trực tiếp là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích; thực trạng việc tổ chức, cá nhân bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Trường hợp di tích thuộc sở hữu

	chung hoặc sở hữu toàn dân thì phải ghi rõ quyết định thành lập Ban (tổ) bảo vệ hoặc quản lý di tích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
12	Phương hướng bảo vệ và phát huy giá trị di tích: Đề xuất phương hướng bảo vệ và phát huy giá trị di tích nhằm bảo tồn bền vững di tích gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
13	Kết luận: Đề xuất của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ khoa học di tích với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xếp hạng di tích là di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia hoặc di tích quốc gia đặc biệt.
14	Tài liệu tham khảo: Lập thư mục tài liệu tham khảo liên quan đến việc nghiên cứu, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; tập hợp những tư liệu, bài viết, kỷ yếu hội thảo khoa học trực tiếp về di tích để lập thành Phụ lục lý lịch di tích. Đối với di tích khảo cổ, Phụ lục di tích phải có phần viết hoặc bản sao Báo cáo kết quả thăm dò, khai quật khảo cổ.
15	Xác định cá nhân, tổ chức lập lý lịch di tích: Lý lịch di tích được đóng thành quyển, khổ giấy A4. Tại trang cuối cùng, người lập lý lịch di tích phải ghi ngày, tháng, năm lập lý lịch, ký, ghi rõ họ tên, thủ trưởng đơn vị lập hồ sơ khoa học di tích ký, đóng dấu xác nhận.

NGƯỜI LẬP LÝ LỊCH

(Tên địa phương), ngày..... tháng... năm.....

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....(02).....

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,

chức vụ người ký)

.....(01).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(02)....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm...

**BIÊN BẢN KHOANH VÙNG KHU VỰC BẢO VỆ
DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH**

... (tên di tích)...

tại xã/phường/đặc khu ..., tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ...

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đất đai;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., hồi ... giờ...

Chúng tôi gồm:

- Chủ trì Hội nghị: ... (Họ và tên - chức danh)...

- Thư ký Hội nghị: ... (Họ và tên - chức danh)...

Cùng các đại biểu:

- Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh: ... (tên đại biểu - chức danh) ...

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: ... (tên đại biểu - chức danh) ...

- Ban Quản lý di tích/Bảo tàng: ... (tên đại biểu - chức danh) ...

- Ủy ban nhân dân cấp xã: ... (tên đại biểu - chức danh) ...

- Đại diện tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích:
... (tên đại biểu - chức danh) ...

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh(đối với hồ sơ di tích xếp hạng quốc gia và quốc gia đặc biệt).....

- Cùng đại diện các đoàn thể trong ... (thôn, xóm, tổ dân phố) ... họp tại địa điểm... để thống nhất về việc khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích ... (tên di tích) ...

Sau khi nghe (tên đơn vị chủ trì lập hồ sơ khoa học di tích)..... trình bày tóm tắt nội dung, giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích và dự kiến khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích, toàn thể đại biểu dự họp đã thống nhất khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích ... (tên di tích) ... như sau:

I. KHOANH VÙNG KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH

Việc khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích được áp dụng theo quy định tại Điều 27 Luật Di sản văn hóa, cụ thể:

1. Khu vực bảo vệ I: là vùng có các yếu tố gốc cấu thành di tích, gồm:.....
(ghi rõ các công trình xây dựng, địa điểm và các di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia nằm ngoài các công trình xây dựng thuộc khu vực bảo vệ I).....

Khu vực này gồm:

- Thửa đất số ... diện tích ... m²

- Thửa đất số ... diện tích ... m²

-

Thuộc Tờ bản đồ số ... tỉ lệ ...

- Phía Bắc giáp: ...;

- Phía Nam giáp: ...;

- Phía Đông giáp: ...;

- Phía Tây giáp:

(Đối với những diện tích thuộc khu vực bảo vệ I nhưng không nguyên thửa hoặc di tích nằm trên khu vực chưa có bản đồ địa chính, di tích nằm trên địa hình rộng lớn, phức tạp, thì phải xác định tọa độ các điểm cần thiết để thể hiện rõ Khu vực bảo vệ I. Ví dụ: Khu vực này có diện tích ... m² được xác định bởi các điểm A, B, C, D có tọa độ như sau:

A (x:...; y:...);

B (x:...; y:...);

C (x:...; y:...);

D (x:...; y:...);

.....

- Phía Bắc giáp: ...;

- Phía Nam giáp: ...;

- Phía Đông giáp: ...;

- Phía Tây giáp:).

2. Khu vực bảo vệ II: là vùng bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I của di tích.

Khu vực này gồm:

- Thửa đất số ... diện tích ...m²

- Thửa đất số ... diện tích ...m²

.....

Thuộc Tờ bản đồ số ... tỉ lệ ...

- Phía Bắc giáp: ...;

- Phía Nam giáp: ...;

- Phía Đông giáp: ...;

- Phía Tây giáp:

(Đối với những diện tích thuộc khu vực bảo vệ II nhưng không nguyên thửa hoặc di tích nằm trên khu vực chưa có bản đồ địa chính, di tích nằm trên địa hình rộng lớn, phức tạp, thì phải xác định tọa độ các điểm cần thiết để thể hiện rõ Khu vực bảo vệ II. Ví dụ: Khu vực này có diện tích ... m² được xác định bởi các điểm A', B', C', D' có tọa độ như sau:

A' (x:...; y:...);

B' (x:...; y:...);

$C' (x:..., y:...);$

$D' (x:..., y:...);$

.....

- *Phía Bắc giáp: ...;*

- *Phía Nam giáp: ...;*

- *Phía Đông giáp: ...;*

- *Phía Tây giáp:).*

II. KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào những nội dung nêu trên, toàn thể Hội nghị nhất trí đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, xếp hạng di tích ...(tên di tích).... là(loại và xếp hạng di tích).....

Biên bản này đã được thông qua và các đại biểu dự họp nhất trí ký tên:

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CÁC CƠ QUAN

1. Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,
chức vụ người ký)*

2. Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ
người ký)*

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức
vụ người ký)*

4. Ban Quản lý di tích/Bảo tàng

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ
người ký)*

5. Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức
vụ người ký)*

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ
người ký)*

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

(Đối với hồ sơ di tích xếp hạng quốc gia/quốc gia đặc biệt)

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký)

.....(01)

.....(02).....

BẢN THỐNG KÊ HIỆN VẬT THUỘC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH

... (tên di tích) ...

Xã/phường/đặc khu ... tỉnh/thành phố ...

TT	Tên hiện vật	Mã số	Nguồn gốc	Thời kỳ/ niên đại	Loại hiện vật	Chất liệu	Kích thước, trọng lượng	Miêu tả hiện vật	Tình trạng bảo quản	Ghi chú
(A)	(B)	(C)	(D)	(Đ)	(E)	(G)	(H)	(I)	(K)	(L)

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

.....(02).....

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,
chức vụ người ký)**Chú thích chi tiết các cột:**

* Hiện vật bao gồm hiện vật, di sản tư liệu

(A) Số thứ tự hiện vật trong Bản thống kê.

(B) Ghi rõ tên thường gọi của hiện vật và tên gọi khác (nếu có).

(C) Mã số được cấu tạo từ 3 bộ phận (1. 2. 3), viết theo hàng ngang, trong đó:

1: là chữ viết tắt của tên di tích, ví dụ: *Phủ Tây Hồ ghi PTH.*2: là chữ viết tắt của nơi đặt hiện vật, ví dụ: *Tiền đường - ghi: TĐ, sân vườn - ghi: SV.*

3: Số ghi vị trí hiện vật trên sơ đồ hiện vật thuộc di tích quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ, ví dụ: 01.

Như vậy, mã số hiện vật số 01 tại Tiền đường Phủ Tây Hồ sẽ ghi là: PTH.TĐ.01.

(D) Nguồn gốc hiện vật: vốn có, hiến tặng, khai quật, trao đổi, thu hồi, mua, nguồn khác.

(Đ) Ghi rõ hiện vật thuộc thời kỳ văn hóa nào, niên đại tương đối, niên đại tuyệt đối của hiện vật.

(E) Ghi rõ hiện vật là: di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia.

- (G) Ghi rõ chất liệu, nhóm chất liệu chính của hiện vật: gôm, sành sứ, kim loại và hợp kim, gỗ, tre, nứa, giấy, phim, vải, len, lụa, da, lông thú, xương, sừng, vỏ động vật, vỏ nhuyễn thể, đá, đá quý, thủy tinh, pha lê, xi măng, thạch cao, nhựa, cao su, sợi, ...
- (H) Ghi các kích thước cơ bản (centimet) và trọng lượng (gram) của hiện vật (trường hợp hiện vật có trọng lượng quá lớn hoặc ở vị trí không cân, đo được thì ước tính).
- (I) Miêu tả hiện vật và nêu rõ các dấu tích đặc biệt (nếu có).
- (K) Ghi rõ tình trạng của hiện vật: nguyên, nứt, vỡ, hỏng men, méo, rỉ, gãy, một, thủng, xước, rách, sòn, bạc màu, ô bản, ...
- (L) Ghi chú khác (nếu có).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:(03).....

Tôi/Chúng tôi là (*họ và tên người làm đơn*)

Số Căn cước/Căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:.....
ngày cấp..... nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú: (*số nhà, đường phố, xóm, làng, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*)

Là đại diện chủ sở hữu *hoặc* người được giao quản lý/tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu *hoặc* người đại diện tổ chức được giao quản lý.....(*tên di tích/di sản tư liệu*)..... tại(*số nhà, đường phố, xóm, làng, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*).....

Đối với đề nghị xếp hạng/xếp hạng bổ sung di tích; ghi danh/ghi danh bổ sung di sản tư liệu vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu

Qua quá trình sở hữu/quản lý, tôi/chúng tôi nhận thấy di tích/di sản tư liệu có những giá trị tiêu biểu sau đây: ... (*ghi tóm tắt về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, tối đa không quá 300 từ*)

Vì vậy, tôi/chúng tôi trân trọng đề nghị(03)..... nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học để đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định(04)..... đối với di tích/di sản tư liệu nêu trên.

Tôi/Chúng tôi cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình lập hồ sơ khoa học và thực hiện việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích/di sản tư liệu theo đúng quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với đề nghị bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích; điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích

Qua quá trình sở hữu/quản lý, tôi/chúng tôi nhận thấy di tích có những thay đổi, điều chỉnh và những khó khăn, vướng mắc sau đây:(*ghi tóm tắt về những thay đổi, điều chỉnh và những khó khăn, vướng mắc, tối đa không quá 300 từ*).....

Vì vậy, tôi/chúng tôi trân trọng đề nghị(03)..... nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị bổ sung, chỉnh sửa (*nêu rõ thành phần nào của hồ sơ khoa học di tích quy định tại Điều 9 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ cần được bổ sung, chỉnh sửa*)/hoặc điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích để đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định(04)..... đối với di tích nêu trên.

Tôi/Chúng tôi cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học; điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích, thực hiện việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích; nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định xếp hạng di

tích theo đúng quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LÀM ĐƠN

*(Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,
chức vụ người ký (nếu là tổ chức))*

2. Thủ tục hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích cấp tỉnh

(1) Trình tự thực hiện:

(1) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi 01 bộ hồ sơ khoa học tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(2) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định; xem xét hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích cấp tỉnh.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Bản thuyết minh theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Ảnh chụp hiện trạng di tích tại thời điểm đề nghị hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích (nếu có).

(4) Các văn bản có liên quan, bao gồm: Quyết định xếp hạng di tích; các văn bản quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội được phê duyệt có ảnh hưởng trực tiếp đến việc phải hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích (nếu có).

(5) Đơn đề nghị hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(6) Ý kiến bằng văn bản của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 90 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học theo quy định.

(5) Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Đơn đề nghị hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

- Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 ngày 12 năm 2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

.....(01)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

....(02)...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Về việc(04).....**

Kính gửi:(03).....

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ kết quả cuộc họp của Hội đồng thẩm định ngày ... tháng ... năm ...

Trên cơ sở giá trị của di tích/di sản tư liệu, ...(01)/(02).... đã xây dựng nội dung hồ sơ (ghi nội dung đề nghị, tên di tích/di sản tư liệu)....., xã/phường/đặc khu tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương kính đề nghị(03)..... xem xét, quyết định(04)..... (gửi kèm theo hồ sơ).

(Đối với hồ sơ đề nghị bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích/di sản tư liệu còn phải thuyết minh, làm rõ sự cần thiết đề xuất thay đổi, điều chỉnh).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT, ...

...(01)/(02)....

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,
chức vụ người ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:(03).....

Tôi/Chúng tôi là (*họ và tên người làm đơn*)

Số Căn cước/Căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:.....
 ngày cấp..... nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú: (*số nhà, đường phố, xóm, làng, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*)

Là đại diện chủ sở hữu *hoặc* người được giao quản lý/tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu *hoặc* người đại diện tổ chức được giao quản lý.....(*tên di tích/di sản tư liệu*)..... tại(*số nhà, đường phố, xóm, làng, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*).....

Sau khi di tích/di sản tư liệu được xếp hạng/ghi danh (*ghi rõ cấp xếp hạng/ghi danh*)....., trong quá trình quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích/di sản tư liệu, do....(*ghi rõ các lý do đề nghị hủy bỏ quyết định xếp hạng/ghi danh*)..., tôi/chúng tôi nhận thấy di tích/di sản tư liệu không còn đáp ứng các tiêu chí xếp hạng/ghi danh ...(*ghi rõ cấp xếp hạng/ghi danh của di tích/di sản tư liệu*)...

Vì vậy, tôi/chúng tôi trân trọng đề nghị (03)..... nghiên cứu và đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích; hủy bỏ ghi danh di sản tư liệu trên.

Tôi/Chúng tôi cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình lập hồ sơ và tiến hành các thủ tục hủy bỏ quyết định xếp hạng/ghi danh đối với di tích/di sản tư liệu nêu trên, đồng thời cam kết thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

(*Tên địa phương*), ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(*Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký (nếu là tổ chức)*)

3. Thủ tục điều chỉnh thu hẹp hoặc mở rộng ranh giới khu vực bảo vệ di tích cấp tỉnh

(1) Trình tự thực hiện:

(1) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi 01 bộ hồ sơ khoa học tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(2) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định; xem xét, quyết định điều chỉnh thu hẹp hoặc mở rộng ranh giới khu vực bảo vệ di tích cấp tỉnh.

(2) Cách thức thực hiện:

Gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Lý lịch di tích dự kiến điều chỉnh theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Biên bản và bản đồ điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích được lập như quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Đơn đề nghị điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học theo quy định.

(5) Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Lý lịch di tích dự kiến điều chỉnh theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

- Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 ngày 12 năm 2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

.....(01).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(02).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH

1	Tên gọi di tích: Tên gọi di tích được thống nhất sử dụng trong hồ sơ khoa học di tích; các tên gọi khác của di tích (nếu có) và nguồn gốc tên gọi đó.
2	Địa điểm và đường đi đến di tích: - Địa điểm di tích: ghi đầy đủ tên gọi cũ và tên gọi mới của địa phương có di tích gồm số nhà, đường phố, xóm, làng, xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) và nêu rõ nguyên nhân của việc đổi tên qua các thời kỳ; - Đường đi đến di tích: ghi rõ khoảng cách từ trung tâm hành chính của tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) nơi có di tích đến địa điểm di tích và chỉ dẫn cụ thể đường đến di tích bằng các phương tiện giao thông.
3	Phân loại di tích: Căn cứ kết quả khảo sát, nghiên cứu về di tích để phân loại di tích theo quy định tại Điều 21 Luật Di sản văn hóa. Trường hợp di tích chứa đựng nhiều loại giá trị thì phân loại theo các giá trị đó, bắt đầu từ giá trị tiêu biểu nhất (ví dụ: di tích khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật; di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh).
4	Bản đồ chỉ rõ ranh giới, diện tích các khu vực khoanh vùng bảo vệ của di tích.
5	Sự kiện, nhân vật lịch sử, đặc điểm của di tích: - Đối với di tích lịch sử: trình bày sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến di tích; tổng thuật các kết quả nghiên cứu đã có và nêu rõ cơ sở khoa học, nhận định của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ khoa học di tích về sự kiện, nhân vật lịch sử đó. - Đối với di tích kiến trúc nghệ thuật: trình bày tóm tắt về sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến di tích (nếu có) và quá trình xây dựng, bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo di tích; tổng thuật các kết quả nghiên cứu đã có và nêu rõ cơ sở khoa học, nhận định của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ khoa học di tích về quá trình xây dựng, bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo di tích. - Đối với di tích khảo cổ: tổng thuật quá trình phát hiện, khai quật di tích, các kết quả nghiên cứu đã có và nêu rõ cơ sở khoa học, nhận định của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ khoa học di tích về niên đại, chủ nhân, đặc trưng, tính chất của di tích đó. - Đối với danh lam thắng cảnh: trình bày tóm tắt sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan trực tiếp đến danh lam thắng cảnh (nếu có) và nêu rõ các đặc điểm của danh lam thắng cảnh về cảnh quan thiên nhiên, địa chất, địa mạo, địa

	lý, đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù hoặc những dấu vết vật chất về các giai đoạn phát triển của trái đất.
6	Sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng liên quan đến di tích: Miêu tả chi tiết lễ hội và các sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng khác liên quan đến di tích; tổng thuật các kết quả nghiên cứu đã có và nêu rõ cơ sở khoa học, nhận định của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ khoa học di tích về đặc điểm, giá trị lịch sử - văn hóa của lễ hội, sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng liên quan đến di tích.
7	Khảo tả di tích: - Giới thiệu khái quát về phạm vi, quy mô, bố cục mặt bằng tổng thể của di tích, cảnh quan môi trường khu vực di tích; đánh giá khái quát hiện trạng kỹ thuật của di tích và nêu rõ mức độ hư hại, xuống cấp của di tích, tình trạng vi phạm di tích (nếu có). - Giới thiệu cụ thể đối với từng loại di tích: Đối với di tích lịch sử: miêu tả chi tiết công trình xây dựng, di vật và vết tích còn lại liên quan đến sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với di tích; Đối với di tích kiến trúc nghệ thuật: miêu tả chi tiết kỹ thuật xây dựng, kết cấu kiến trúc, vật liệu xây dựng, các đề tài, họa tiết và nghệ thuật trang trí của từng hạng mục kiến trúc cấu thành di tích; Đối với di tích khảo cổ: nêu rõ các thành phần, đặc điểm, tầng văn hóa, hiện vật quan trọng được phát hiện trong quá trình nghiên cứu, thăm dò, khai quật di tích; hiện trạng của di tích; Đối với danh lam thắng cảnh: miêu tả chi tiết về cảnh quan thiên nhiên, địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù hoặc khu vực thiên nhiên chứa đựng những dấu vết vật chất về các giai đoạn phát triển của trái đất; miêu tả các công trình kiến trúc, nghệ thuật liên quan đến danh lam thắng cảnh (nếu có).
8	Sơ đồ phân bố di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia thuộc di tích: Lập sơ đồ vị trí các di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia (sau đây gọi chung là hiện vật) thuộc di tích tại thời điểm lập hồ sơ khoa học di tích; chú thích rõ tên gọi, mã số hiện vật được thể hiện trên sơ đồ theo đúng tên gọi và mã số hiện vật được ghi ở Bản thống kê hiện vật thuộc di tích quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.
9	Giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích: Đánh giá tổng quát giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích và nêu rõ những giá trị nổi bật của di tích được tổ chức, cá nhân lập hồ sơ khoa học di tích lấy làm căn cứ để xác định loại di tích.
10	Ảnh màu khảo tả di tích và di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia thuộc di tích được lồng ghép vào các mục tương ứng của lý lịch di tích.
11	Thực trạng bảo vệ và phát huy giá trị di tích: Nêu rõ tên tổ chức, cá nhân trực tiếp là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích; thực trạng việc tổ chức, cá nhân bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Trường hợp di tích thuộc sở hữu

	chung hoặc sở hữu toàn dân thì phải ghi rõ quyết định thành lập Ban (tổ) bảo vệ hoặc quản lý di tích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
12	Phương hướng bảo vệ và phát huy giá trị di tích: Đề xuất phương hướng bảo vệ và phát huy giá trị di tích nhằm bảo tồn bền vững di tích gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
13	Kết luận: Đề xuất của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ khoa học di tích với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xếp hạng di tích là di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia hoặc di tích quốc gia đặc biệt.
14	Tài liệu tham khảo: Lập thư mục tài liệu tham khảo liên quan đến việc nghiên cứu, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; tập hợp những tư liệu, bài viết, kỷ yếu hội thảo khoa học trực tiếp về di tích để lập thành Phụ lục lý lịch di tích. Đối với di tích khảo cổ, Phụ lục di tích phải có phần viết hoặc bản sao Báo cáo kết quả thăm dò, khai quật khảo cổ.
15	Xác định cá nhân, tổ chức lập lý lịch di tích: Lý lịch di tích được đóng thành quyển, khổ giấy A4. Tại trang cuối cùng, người lập lý lịch di tích phải ghi ngày, tháng, năm lập lý lịch, ký, ghi rõ họ tên, thủ trưởng đơn vị lập hồ sơ khoa học di tích ký, đóng dấu xác nhận.

NGƯỜI LẬP LÝ LỊCH

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Tên địa phương), ngày..... tháng... năm.....

.....(02).....

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,

chức vụ người ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:(03).....

Tôi/Chúng tôi là (*họ và tên người làm đơn*)

Số Căn cước/Căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:.....
 ngày cấp..... nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú: (*số nhà, đường phố, xóm, làng, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*)

Là đại diện chủ sở hữu *hoặc* người được giao quản lý/tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu *hoặc* người đại diện tổ chức được giao quản lý.....(*tên di tích/di sản tư liệu*)..... tại(*số nhà, đường phố, xóm, làng, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*).....

Qua quá trình sở hữu/quản lý, tôi/chúng tôi nhận thấy di tích có những thay đổi, điều chỉnh và những khó khăn, vướng mắc sau đây:(*ghi tóm tắt về những thay đổi, điều chỉnh và những khó khăn, vướng mắc, tối đa không quá 300 từ*).....

Vì vậy, tôi/chúng tôi trân trọng đề nghị(03)..... nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị bổ sung, chỉnh sửa (*nêu rõ thành phần nào của hồ sơ khoa học di tích quy định tại Điều 9 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ cần được bổ sung, chỉnh sửa*)/*hoặc* điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích để đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định(04)..... đối với di tích nêu trên.

Tôi/Chúng tôi cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học; điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích, thực hiện việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích; nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích theo đúng quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

(*Tên địa phương*), ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(*Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký (nếu là tổ chức)*)

4. Thủ tục đưa di vật, cổ vật thuộc sở hữu toàn dân đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật, cổ vật đề nghị đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước gửi 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ quản của cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật, cổ vật.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ quản của cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật, cổ vật xem xét, quyết định cho phép đưa di vật, cổ vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước.

(2) Cách thức thực hiện:

Gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị đưa di vật, cổ vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước của cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật, cổ vật gửi tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 32 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Danh mục di vật, cổ vật đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước theo Mẫu số 33 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng và kế hoạch về việc đưa di vật, cổ vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước giữa cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật, cổ vật và cơ quan, tổ chức tiếp nhận.

(4) Văn bản đề nghị được tiếp nhận di vật, cổ vật của cơ quan, tổ chức tiếp nhận gửi cơ quan, tổ chức chủ quản.

(5) Văn bản đồng ý của cơ quan, tổ chức chủ quản của cơ quan, tổ chức tiếp nhận.

(7) Phương án bảo đảm an ninh, an toàn, không gây hư hại cho di vật, cổ vật.

(8) Tài liệu khác (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật, cổ vật.

(6) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Mẫu đơn, tờ khai:

- Văn bản đề nghị đưa di vật, cổ vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước của cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật, cổ vật, gửi tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 32 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Danh mục di vật, cổ vật đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước theo Mẫu số 33 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

- Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 ngày 12 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

...(01)...

...(02)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài

Kính gửi:(03).....

1. Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024 và Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa, đề nghị ... (Ủy ban nhân dân tỉnh/bộ/ngành/cơ quan/tổ chức ở trung ương)... cho phép thực hiện thủ tục đưa (số lượng)....,(có Danh mục kèm theo).... di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài.

(Nêu rõ mục đích đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài).

2. Nội dung/Kết quả dự kiến:.....

(- Đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày ở trong nước/nước ngoài: Nêu rõ nội dung trưng bày;

- Đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài: Nêu rõ lý do cần nghiên cứu hoặc bảo quản và kết quả dự kiến).

3. Thông tin về đối tác (bên tiếp nhận):.....

- Tên tổ chức:.....

- Người đứng đại diện theo pháp luật:.....

- Địa chỉ:..... - Quốc gia:.....

- Điện thoại:..... - Email:.....

4. Thời gian đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản:

- Thời gian đưa đi:

- Địa điểm trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản:.....

- Thời gian đưa về:

5. Cam kết đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO về Việt Nam sau khi hoàn thành việc trưng bày, nghiên cứu, hoặc bảo quản và cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Tài liệu kèm theo:

-;
-;

CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

*(Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,
chức vụ người ký (nếu là tổ chức))*

...(01)...
(02).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

**DANH MỤC DI VẬT/CỔ VẬT/BẢO VẬT QUỐC GIA/
 DI SẢN TƯ LIỆU TRONG DANH MỤC QUỐC GIA VÀ
 DANH MỤC CỦA UNESCO ĐƯA ĐI TRƯNG BÀY, NGHIÊN CỨU
 HOẶC BẢO QUẢN CÓ THỜI HẠN Ở TRONG NƯỚC/NƯỚC NGOÀI**

STT	Tên di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO	Chất liệu chính	Số lượng	Nơi lưu giữ	Niên đại	Kích thước (cm)	Số kiểm kê (nếu có)	Hình ảnh	Số và ngày đăng ký di vật, cổ vật/Quyết định công nhận bảo vật quốc gia/ghi danh di sản tư liệu
1									
...									

Tổng số di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu: ... (Bằng chữ: ...)

CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

5. Thủ tục đưa di vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật gửi 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm cho di vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài trên cơ sở văn bản kết luận của Hội đồng cấp tỉnh quy định tại điểm g khoản 1 và thành lập theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 90 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận của Hội đồng quy định tại khoản 6 Điều 46 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc đưa di vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài; báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Cách thức thực hiện:

Gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 32 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng về việc đại diện cho chủ sở hữu di vật thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài theo Mẫu số 34 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ giữa tổ chức, cá nhân sở hữu di vật thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng với cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật thuộc sở hữu toàn dân.

(3) Danh mục di vật được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 33 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

(5) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận di vật được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

(6) Bản thuyết minh nội dung trưng bày, giới thiệu di vật đối với di vật được đưa đi trưng bày có thời hạn ở nước ngoài hoặc bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với di vật được đưa đi nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm cho di vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài trên cơ sở văn bản kết luận của Hội đồng cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận của Hội đồng quy định tại khoản 6 Điều 46 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc đưa di vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài; báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(5) Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật.

(6) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Mẫu đơn, tờ khai:

- Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 32 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng về việc đại diện cho chủ sở hữu di vật thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài theo Mẫu số 34 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ giữa tổ chức, cá nhân sở hữu di vật thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng với cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật thuộc sở hữu toàn dân.

- Danh mục di vật được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 33 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

- Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

...(01)...

...(02)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị đưa di vật/cổ vật/bảo vật
 quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục
 quốc gia và Danh mục của UNESCO đi
 trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở
 trong nước/nước ngoài

Kính gửi:(03).....

1. Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024 và Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa, đề nghị ... (Ủy ban nhân dân tỉnh/bộ/ngành/cơ quan/tổ chức ở trung ương)... cho phép thực hiện thủ tục đưa (số lượng)....,(có Danh mục kèm theo).... di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài.

(Nêu rõ mục đích đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài).

2. Nội dung/Kết quả dự kiến:.....

(- Đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày ở trong nước/nước ngoài: Nêu rõ nội dung trưng bày;

- Đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài: Nêu rõ lý do cần nghiên cứu hoặc bảo quản và kết quả dự kiến).

3. Thông tin về đối tác (bên tiếp nhận):.....

- Tên tổ chức:.....

- Người đứng đại diện theo pháp luật:.....

- Địa chỉ:..... - Quốc gia:.....

- Điện thoại:..... - Email:.....

4. Thời gian đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản:

- Thời gian đưa đi:

- Địa điểm trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản:.....

- Thời gian đưa về:

5. Cam kết đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO về Việt Nam sau khi hoàn thành việc trưng bày, nghiên cứu, hoặc bảo quản và cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Tài liệu kèm theo:

-;
-;

CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN THỎA THUẬN/HỢP ĐỒNG

**Về việc đại diện cho chủ sở hữu di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu
 trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO
 thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài**

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Hôm nay, tại

Chúng tôi gồm có:

- **Bên A:** (ghi rõ tên tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng).

(Trường hợp là tổ chức)

+ Người đại diện theo pháp luật:

+ Chức vụ:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:

(Trường hợp là cá nhân)

+ Họ tên:

+ Số Căn cước/Căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:.....
 ngày cấp..... nơi cấp.....

+ Địa chỉ thường trú:

+ Điện thoại:

- **Bên B:** (ghi rõ tên tổ chức được giao quản lý di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu toàn dân là đại diện trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài)

+ Người đại diện:

+ Chức vụ:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:

Hai bên thỏa thuận về việc bên B đại diện cho bên A trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu của bên A, với nội dung như sau:

1. Phạm vi đại diện:

Bên A đồng ý để bên B là đại diện trong việc hợp tác với... (*ghi rõ tên và địa chỉ của đối tác nước ngoài*) để đưa... (*ghi rõ số lượng*)... di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO (*có Danh mục kèm theo*) ra nước ngoài với mục đích ...(ghi rõ mục đích trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản)....

2. Thời gian đại diện:

(*Do hai bên thống nhất, bảo đảm phù hợp với thời gian thực hiện trong văn bản thỏa thuận nguyên tắc việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO ra nước ngoài do bên B ký kết với đối tác nước ngoài*).

3. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

3.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

3.1.1. Quyền của bên A:

- Được tham gia ý kiến để thống nhất nội dung văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO ra nước ngoài và hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO ra nước ngoài.

- Quyền khác (*nếu có - theo thỏa thuận của giữa bên A và bên B hoặc giữa hai bên với đối tác nước ngoài trong trường hợp cụ thể*).

3.1.2. Nghĩa vụ của bên A:

- Cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu liên quan đến di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO cho bên B để thực hiện các thủ tục theo quy định.

- Thực hiện đúng nội dung liên quan theo văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO ra nước ngoài.

- Nghĩa vụ khác (*nếu có - theo thỏa thuận giữa bên A với bên B hoặc giữa 02 bên với đối tác nước ngoài trong trường hợp cụ thể*).

3.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

3.2.1. Quyền của bên B:

- Được toàn quyền đại diện cho bên A trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu của bên A.

- Quyền khác (*nếu có - theo thỏa thuận của giữa bên A và bên B hoặc giữa 02 bên với đối tác nước ngoài trong trường hợp cụ thể*).

3.2.2. Nghĩa vụ của bên B:

- Bảo đảm cho bên A được tham gia ý kiến và đưa đầy đủ ý kiến đã thống nhất với bên A vào nội dung văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài.

- Bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của bên A trong toàn bộ thời gian đại diện cho bên A để hợp tác với đối tác nước ngoài.

- Thực hiện đúng nội dung liên quan theo văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài.

- Nghĩa vụ khác (nếu có - theo thỏa thuận giữa bên A với bên B hoặc giữa hai bên với đối tác nước ngoài trong trường hợp cụ thể).

4. Quy định chung

- Văn bản thỏa thuận/Hợp đồng này được hiểu và chịu sự điều chỉnh theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc nội dung văn bản thỏa thuận này.

- Mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện văn bản thỏa thuận này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu thương lượng, hòa giải không thành, vướng mắc sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Hiệu lực thực hiện

- Văn bản thỏa thuận/Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày đến ngày..... (ghi theo Mục 2 của Văn bản thỏa thuận này).

- Văn bản thỏa thuận/Hợp đồng này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký và ghi rõ họ tên;

ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,

chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký và ghi rõ họ tên;

ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,

chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

...(01)...
.....(02).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

**DANH MỤC DI VẬT/CỔ VẬT/BẢO VẬT QUỐC GIA/
DI SẢN TƯ LIỆU TRONG DANH MỤC QUỐC GIA VÀ
DANH MỤC CỦA UNESCO ĐƯA ĐI TRƯNG BÀY, NGHIÊN CỨU
HOẶC BẢO QUẢN CÓ THỜI HẠN Ở TRONG NƯỚC/NƯỚC NGOÀI**

STT	Tên di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO	Chất liệu chính	Số lượng	Nơi lưu giữ	Niên đại	Kích thước (cm)	Số kiểm kê (nếu có)	Hình ảnh	Số và ngày đăng ký di vật, cổ vật/Quyết định công nhận bảo vật quốc gia/ghi danh di sản tư liệu
1									
...									

Tổng số di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu: ... (Bằng chữ: ...)

CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

6. Thủ tục phê duyệt kế hoạch bảo quản, phục chế bảo vật quốc gia (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức được giao quản lý bảo vật quốc gia và chủ sở hữu bảo vật quốc gia gửi 01 bộ hồ sơ khoa học tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch bảo quản, phục chế bảo vật quốc gia.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- (1) Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch.
- (2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- (3) Dự thảo kế hoạch sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức được giao quản lý bảo vật quốc gia và chủ sở hữu bảo vật quốc gia.

(6) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.
- Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 ngày 12 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Thủ tục phê duyệt đề án, dự án, kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu được ghi danh (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt đề án, dự án, kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt đề án, dự án, kế hoạch.

(2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(3) Dự thảo đề án, dự án, kế hoạch sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 ngày 12 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

8. Thủ tục phê duyệt dự án, kế hoạch phục chế di sản tư liệu được UNESCO ghi danh (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức được giao quản lý di sản tư liệu và chủ sở hữu di sản tư liệu gửi 01 bộ hồ sơ khoa học tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt dự án, kế hoạch phục chế di sản tư liệu.

(2) Cách thức thực hiện:

Gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- (1) Tờ trình đề nghị phê duyệt dự án, kế hoạch phục chế di sản tư liệu.
- (2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- (3) Dự thảo dự án, kế hoạch sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức được giao quản lý di sản tư liệu và chủ sở hữu di sản tư liệu.

(6) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.
- Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 ngày 12 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

9. Thủ tục đưa di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm cho di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia trên cơ sở ý kiến của Hội đồng cấp tỉnh quy định tại điểm g khoản 1 và thành lập theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 90 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận của Hội đồng quy định tại điểm h khoản 4 Điều 58 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lấy ý kiến.

- Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, có văn bản đồng ý đề nghị đưa di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài. Trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc đưa di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

(2) Cách thức thực hiện:

Gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị đưa di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 32 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng về việc đại diện cho chủ sở hữu di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài Mẫu số 34 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Danh mục di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 33 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

(5) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

(6) Bản thuyết minh nội dung trưng bày, giới thiệu di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia được đưa đi trưng bày có thời hạn ở nước ngoài hoặc bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài.

(7) Văn bản kết luận của Hội đồng xác định giá trị di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di sản tư liệu đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 36 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm cho di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia trên cơ sở ý kiến của Hội đồng cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận của Hội đồng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lấy ý kiến.

- Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, có văn bản đồng ý đề nghị đưa di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài. Trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc đưa di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

(5) Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Mẫu đơn, tờ khai:

- Văn bản đề nghị đưa di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 32 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng về việc đại diện cho chủ sở hữu di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài Mẫu số 34 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Danh mục di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 33 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Văn bản kết luận của Hội đồng xác định giá trị di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di sản tư liệu đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 36 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

- Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 ngày 12 năm 2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

...(01)...

...(02)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

V/v đề nghị đưa di vật/cổ vật/bảo
vật quốc gia/di sản tư liệu trong
Danh mục quốc gia và Danh mục
của UNESCO đi trưng bày, nghiên
cứu hoặc bảo quản ở trong
nước/nước ngoài

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:(03).....

1. Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024 và Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa, đề nghị ... (Ủy ban nhân dân tỉnh/bộ/ngành/cơ quan/tổ chức ở trung ương)... cho phép thực hiện thủ tục đưa (số lượng)....,(có Danh mục kèm theo).... di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài.

(Nêu rõ mục đích đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài).

2. Nội dung/Kết quả dự kiến:.....

(- Đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày ở trong nước/nước ngoài: Nêu rõ nội dung trưng bày;

- Đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài: Nêu rõ lý do cần nghiên cứu hoặc bảo quản và kết quả dự kiến).

3. Thông tin về đối tác (bên tiếp nhận):.....

- Tên tổ chức:.....

- Người đứng đại diện theo pháp luật:.....

- Địa chỉ:..... - Quốc gia:.....

- Điện thoại:..... - Email:.....

4. Thời gian đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản:

- Thời gian đưa đi:

- Địa điểm trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản:.....

- Thời gian đưa về:

5. Cam kết đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO về Việt Nam sau khi hoàn thành việc trưng bày, nghiên cứu, hoặc bảo quản và cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Tài liệu kèm theo:

-
-

CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN THỎA THUẬN/HỢP ĐỒNG

**Về việc đại diện cho chủ sở hữu di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu
 trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO
 thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài**

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Hôm nay, tại

Chúng tôi gồm có:

- **Bên A:** (ghi rõ tên tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng).

(Trường hợp là tổ chức)

+ Người đại diện theo pháp luật:

+ Chức vụ:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:

(Trường hợp là cá nhân)

+ Họ tên:

+ Số Căn cước/Căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:.....
 ngày cấp..... nơi cấp.....

+ Địa chỉ thường trú:

+ Điện thoại:

- **Bên B:** (ghi rõ tên tổ chức được giao quản lý di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu toàn dân là đại diện trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài)

+ Người đại diện:

+ Chức vụ:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:

Hai bên thỏa thuận về việc bên B đại diện cho bên A trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu của bên A, với nội dung như sau:

1. Phạm vi đại diện:

Bên A đồng ý để bên B là đại diện trong việc hợp tác với... (*ghi rõ tên và địa chỉ của đối tác nước ngoài*) để đưa... (*ghi rõ số lượng*)... di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO (*có Danh mục kèm theo*) ra nước ngoài với mục đích ...(ghi rõ mục đích trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản)....

2. Thời gian đại diện:

(*Do hai bên thống nhất, bảo đảm phù hợp với thời gian thực hiện trong văn bản thỏa thuận nguyên tắc việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO ra nước ngoài do bên B ký kết với đối tác nước ngoài*).

3. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

3.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

3.1.1. Quyền của bên A:

- Được tham gia ý kiến để thống nhất nội dung văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO ra nước ngoài và hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO ra nước ngoài.

- Quyền khác (*nếu có - theo thỏa thuận của giữa bên A và bên B hoặc giữa hai bên với đối tác nước ngoài trong trường hợp cụ thể*).

3.1.2. Nghĩa vụ của bên A:

- Cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu liên quan đến di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO cho bên B để thực hiện các thủ tục theo quy định.

- Thực hiện đúng nội dung liên quan theo văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO ra nước ngoài.

- Nghĩa vụ khác (*nếu có - theo thỏa thuận giữa bên A với bên B hoặc giữa 02 bên với đối tác nước ngoài trong trường hợp cụ thể*).

3.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

3.2.1. Quyền của bên B:

- Được toàn quyền đại diện cho bên A trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu của bên A.

- Quyền khác (*nếu có - theo thỏa thuận của giữa bên A và bên B hoặc giữa 02 bên với đối tác nước ngoài trong trường hợp cụ thể*).

3.2.2. Nghĩa vụ của bên B:

- Bảo đảm cho bên A được tham gia ý kiến và đưa đầy đủ ý kiến đã thống nhất với bên A vào nội dung văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài.

- Bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của bên A trong toàn bộ thời gian đại diện cho bên A để hợp tác với đối tác nước ngoài.

- Thực hiện đúng nội dung liên quan theo văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài.

- Nghĩa vụ khác (nếu có - theo thỏa thuận giữa bên A với bên B hoặc giữa hai bên với đối tác nước ngoài trong trường hợp cụ thể).

4. Quy định chung

- Văn bản thỏa thuận/Hợp đồng này được hiểu và chịu sự điều chỉnh theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc nội dung văn bản thỏa thuận này.

- Mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện văn bản thỏa thuận này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu thương lượng, hòa giải không thành, vướng mắc sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Hiệu lực thực hiện

- Văn bản thỏa thuận/Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày đến ngày..... (ghi theo Mục 2 của Văn bản thỏa thuận này).

- Văn bản thỏa thuận/Hợp đồng này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký và ghi rõ họ tên;

ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,

chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký và ghi rõ họ tên;

ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,

chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

...(01)...
(02).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

**DANH MỤC DI VẬT/CỔ VẬT/BẢO VẬT QUỐC GIA/
 DI SẢN TƯ LIỆU TRONG DANH MỤC QUỐC GIA VÀ
 DANH MỤC CỦA UNESCO ĐƯA ĐI TRƯNG BÀY, NGHIÊN CỨU
 HOẶC BẢO QUẢN CÓ THỜI HẠN Ở TRONG NƯỚC/NƯỚC NGOÀI**

STT	Tên di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO	Chất liệu chính	Số lượng	Nơi lưu giữ	Niên đại	Kích thước (cm)	Số kiểm kê (nếu có)	Hình ảnh	Số và ngày đăng ký di vật, cổ vật/Quyết định công nhận bảo vật quốc gia/ghi danh di sản tư liệu
1									
...									

Tổng số di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu: ... (Bằng chữ: ...)

CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

TÊN CƠ QUAN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG
HỘI ĐỒNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

**KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ
DI VẬT/CỔ VẬT/BẢO VẬT QUỐC GIA/DI SẢN TƯ LIỆU
TRONG DANH MỤC QUỐC GIA VÀ DANH MỤC CỦA UNESCO
QUY ĐỔI BẰNG TIỀN ĐỂ MUA BẢO HIỂM CHO DI VẬT,
CỔ VẬT, BẢO VẬT QUỐC GIA/DI SẢN TƯ LIỆU TRONG
DANH MỤC QUỐC GIA VÀ DANH MỤC CỦA UNESCO
ĐƯỢC ĐƯA ĐI TRƯNG BÀY, NGHIÊN CỨU HOẶC
BẢO QUẢN CÓ THỜI HẠN Ở NƯỚC NGOÀI**

Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng xác định giá trị di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài (sau đây gọi là Hội đồng).

Hội đồng họp hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ..., tại để xem xét, đánh giá và xác định giá trị di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

Số thành viên Hội đồng có mặt (*trên tổng số thành viên*):, gồm:

1.
2.
3.

Số thành viên Hội đồng vắng mặt (*trên tổng số thành viên*):, gồm:

1.
2.
3.

Nội dung và kết quả làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã nghe Tổ thư ký của Hội đồng trình bày báo cáo đánh giá xác định giá trị di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

2. Hội đồng đã xem xét, thảo luận, đánh giá và có ý kiến đối với từng di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO và thống nhất xác định giá trị di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu và tiến hành bỏ phiếu

Ban kiểm phiếu (gồm 03 thành viên Hội đồng):

- Trưởng ban:

- Ủy viên: 1.

2.

4. Kết quả làm việc và kiến nghị của Hội đồng

Căn cứ kết quả bỏ phiếu và kiểm phiếu, Hội đồng thống nhất xác định giá trị di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài, cụ thể như sau:

STT	Tên di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO	Hình ảnh	Giá trị quy đổi bằng tiền
1			
...			
	TỔNG CỘNG		
	Bằng chữ:		

Hội đồng đề nghị (*Cơ quan thành lập Hội đồng*) xem xét, quyết định xác định giá trị di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

10. Thủ tục đưa di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm cho di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO trên cơ sở ý kiến của Hội đồng cấp tỉnh quy định tại điểm g khoản 1 và thành lập theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 90 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận của Hội đồng quy định tại điểm h khoản 4 Điều 58 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lấy ý kiến.

- Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, có văn bản đồng ý đề nghị đưa di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài. Trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc đưa di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

(2) Cách thức thực hiện:

Gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị đưa di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 32 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng về việc đại diện cho chủ sở hữu di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài Mẫu số 34 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Văn bản xác nhận đồng ý đưa di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước/nước ngoài theo Mẫu số 35 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Danh mục di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 33 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

(6) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

(7) Bản thuyết minh nội dung trưng bày, giới thiệu di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày có thời hạn ở nước ngoài hoặc bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài.

(8) Văn bản kết luận của Hội đồng xác định giá trị di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di sản tư liệu đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 36 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm cho di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO trên cơ sở ý kiến của Hội đồng cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận của Hội đồng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lấy ý kiến.

- Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, có văn bản đồng ý đề nghị đưa di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc đưa di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

(5) Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(6) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Mẫu đơn, tờ khai:

- Văn bản đề nghị đưa di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 32 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng về việc đại diện cho chủ sở hữu di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài Mẫu số 34 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Văn bản xác nhận đồng ý đưa di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước/nước ngoài theo Mẫu số 35 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Danh mục di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 33 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Văn bản kết luận của Hội đồng xác định giá trị di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di sản tư liệu đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo Mẫu số 36 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

- Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 ngày 12 năm 2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

...(01)...

...(02)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

V/v đề nghị đưa di vật/cổ vật/bảo
vật quốc gia/di sản tư liệu trong
Danh mục quốc gia và Danh mục
của UNESCO đi trưng bày, nghiên
cứu hoặc bảo quản ở trong
nước/nước ngoài

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:(03).....

1. Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024 và Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa, đề nghị ... (Ủy ban nhân dân tỉnh/bộ/ngành/cơ quan/tổ chức ở trung ương)... cho phép thực hiện thủ tục đưa (số lượng)..., ...(có Danh mục kèm theo).... di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài.

(Nêu rõ mục đích đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài).

2. Nội dung/Kết quả dự kiến:.....

(- Đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày ở trong nước/nước ngoài: Nêu rõ nội dung trưng bày;

- Đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài: Nêu rõ lý do cần nghiên cứu hoặc bảo quản và kết quả dự kiến).

3. Thông tin về đối tác (bên tiếp nhận):.....

- Tên tổ chức:.....

- Người đứng đại diện theo pháp luật:.....

- Địa chỉ:..... - Quốc gia:.....

- Điện thoại:..... - Email:.....

4. Thời gian đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản:

- Thời gian đưa đi:

- Địa điểm trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản:.....
- Thời gian đưa về:

5. Cam kết đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO về Việt Nam sau khi hoàn thành việc trưng bày, nghiên cứu, hoặc bảo quản và cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Tài liệu kèm theo:

-;
-;

CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN THỎA THUẬN/HỢP ĐỒNG

**Về việc đại diện cho chủ sở hữu di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu
 trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO
 thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài**

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Hôm nay, tại

Chúng tôi gồm có:

- **Bên A:** (ghi rõ tên tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng).

(Trường hợp là tổ chức)

+ Người đại diện theo pháp luật:

+ Chức vụ:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:

(Trường hợp là cá nhân)

+ Họ tên:

+ Số Căn cước/Căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:.....

ngày cấp..... nơi cấp.....

+ Địa chỉ thường trú:

+ Điện thoại:

- **Bên B:** (ghi rõ tên tổ chức được giao quản lý di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu toàn dân là đại diện trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài)

+ Người đại diện:

+ Chức vụ:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:

Hai bên thỏa thuận về việc bên B đại diện cho bên A trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu của bên A, với nội dung như sau:

1. Phạm vi đại diện:

Bên A đồng ý để bên B là đại diện trong việc hợp tác với... (*ghi rõ tên và địa chỉ của đối tác nước ngoài*) để đưa... (*ghi rõ số lượng*).... di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO (*có Danh mục kèm theo*) ra nước ngoài với mục đích ...(ghi rõ mục đích trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản)....

2. Thời gian đại diện:

(Do hai bên thống nhất, bảo đảm phù hợp với thời gian thực hiện trong văn bản thỏa thuận nguyên tắc việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO ra nước ngoài do bên B ký kết với đối tác nước ngoài).

3. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

3.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

3.1.1. Quyền của bên A:

- Được tham gia ý kiến để thống nhất nội dung văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO ra nước ngoài và hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO ra nước ngoài.

- Quyền khác (*nếu có - theo thỏa thuận của giữa bên A và bên B hoặc giữa hai bên với đối tác nước ngoài trong trường hợp cụ thể*).

3.1.2. Nghĩa vụ của bên A:

- Cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu liên quan đến di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO cho bên B để thực hiện các thủ tục theo quy định.

- Thực hiện đúng nội dung liên quan theo văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO ra nước ngoài.

- Nghĩa vụ khác (*nếu có - theo thỏa thuận giữa bên A với bên B hoặc giữa 02 bên với đối tác nước ngoài trong trường hợp cụ thể*).

3.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

3.2.1. Quyền của bên B:

- Được toàn quyền đại diện cho bên A trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO thuộc sở hữu của bên A.

- Quyền khác (nếu có - theo thỏa thuận của giữa bên A và bên B hoặc giữa 02 bên với đối tác nước ngoài trong trường hợp cụ thể).

3.2.2. Nghĩa vụ của bên B:

- Bảo đảm cho bên A được tham gia ý kiến và đưa đầy đủ ý kiến đã thống nhất với bên A vào nội dung văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài.

- Bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của bên A trong toàn bộ thời gian đại diện cho bên A để hợp tác với đối tác nước ngoài.

- Thực hiện đúng nội dung liên quan theo văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài.

- Nghĩa vụ khác (nếu có - theo thỏa thuận giữa bên A với bên B hoặc giữa hai bên với đối tác nước ngoài trong trường hợp cụ thể).

4. Quy định chung

- Văn bản thỏa thuận/Hợp đồng này được hiểu và chịu sự điều chỉnh theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc nội dung văn bản thỏa thuận này.

- Mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện văn bản thỏa thuận này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu thương lượng, hòa giải không thành, vướng mắc sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Hiệu lực thực hiện

- Văn bản thỏa thuận/Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày đến ngày..... (ghi theo Mục 2 của Văn bản thỏa thuận này).

- Văn bản thỏa thuận/Hợp đồng này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký và ghi rõ họ tên;

ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,

chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký và ghi rõ họ tên;

ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,

chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN ĐỒNG Ý ĐƯA BẢO VẬT QUỐC GIA
 LÀ TÀI LIỆU LƯU TRỮ CÓ GIÁ TRỊ ĐẶC BIỆT, TÀI LIỆU
 LƯU TRỮ TƯ CÓ GIÁ TRỊ ĐẶC BIỆT/DI SẢN TƯ LIỆU
 TRONG DANH MỤC CỦA UNESCO ĐI TRUNG BÀY,
 NGHIÊN CỨU HOẶC BẢO QUẢN CÓ THỜI HẠN
 Ở TRONG NƯỚC/NƯỚC NGOÀI**

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Hôm nay, tại

Chúng tôi gồm có:

- Bên A (Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng được giao quản lý hoặc sở hữu):

+ Họ và tên:

+ Chức vụ (nếu có):

+ Số Căn cước/Căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân (đối với cá nhân người Việt Nam):ngày cấp.....nơi cấp

+ Địa chỉ:

- Bên B (Đại diện cơ quan đưa đi):

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Địa chỉ:

Hai bên thống nhất lập Biên bản xác nhận cho mượn bảo vật quốc gia là tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt, tài liệu lưu trữ tư có giá trị đặc biệt/di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước/nước ngoài, cụ thể như sau:

Điều 1. Đối tượng của Biên bản xác nhận

Bên A đồng ý cho bên B đưa bảo vật quốc gia là tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt, tài liệu lưu trữ tư có giá trị đặc biệt/di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO(tên bảo vật quốc gia/di sản tư liệu)..... đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước/nước ngoài vì mục đích

Điều 2. Thời hạn

Bên A đồng ý cho bên B đưa bảo vật quốc gia là tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt, tài liệu lưu trữ tư có giá trị đặc biệt/di sản tư liệu trong Danh mục của

UNESCO(tên bảo vật quốc gia/di sản tư liệu)..... đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước/nước ngoài từ ngày đến ngày

Hết thời hạn trên, bên B có trách nhiệm trả lại bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO cho bên A theo đúng thời gian nêu trên và đúng địa chỉ ban đầu tiếp nhận.

Điều 3. Địa điểm bàn giao/tiếp nhận lại bảo vật quốc gia/di sản tư liệu:

Điều 4. Nghĩa vụ của các bên

1. Nghĩa vụ của bên A

- Nêu rõ tình trạng của bảo vật quốc gia là tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt, tài liệu lưu trữ tư có giá trị đặc biệt/di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO.

- Cung cấp nội dung, yêu cầu liên quan đến bảo vật quốc gia là tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt, tài liệu lưu trữ tư có giá trị đặc biệt/di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO cho Bên B.

- Lưu ý cho bên B khi sử dụng bảo vật quốc gia là tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt, tài liệu lưu trữ tư có giá trị đặc biệt/di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO (những khả năng xảy ra nguy hiểm...)

- Nêu các yêu cầu bảo quản trong quá trình sử dụng bảo vật quốc gia là tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt, tài liệu lưu trữ tư có giá trị đặc biệt/di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO khi đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước/nước ngoài.

2. Nghĩa vụ của bên B

- Trong thời hạn mượn, bên B có trách nhiệm bảo vệ, quản lý và sử dụng đúng mục đích của bảo vật quốc gia là tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt, tài liệu lưu trữ tư có giá trị đặc biệt/di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO và chịu mọi trách nhiệm về mất mát, hư hỏng (nếu xảy ra), không được tự ý thay đổi trạng thái của hiện vật.

- Không được cho cá nhân, tổ chức khác mượn lại, nếu không có văn bản đồng ý của bên A.

- Giao trả nguyên trạng thái đang sử dụng của bảo vật quốc gia/di sản tư liệu bảo đảm đúng thời hạn nêu tại Biên bản xác nhận với đầy đủ số lượng đã mượn.

Điều 5. Thỏa thuận về bảo hiểm cho bảo vật quốc gia là tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt, tài liệu lưu trữ tư có giá trị đặc biệt/di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO khi đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài

Điều 6. Trách nhiệm vi phạm Biên bản xác nhận

- Bên A không được từ chối các nghĩa vụ đã cam kết khi đã cho mượn bảo vật quốc gia/di sản tư liệu nêu tại Biên bản xác nhận.

- Bên B vi phạm nghĩa vụ hoặc trong trường hợp để mất mát, hư hỏng bảo vật quốc gia/di sản tư liệu nêu tại Biên bản xác nhận thì phải thực hiện các nghĩa vụ theo Thỏa thuận về bảo hiểm cho bảo vật quốc gia là tài liệu lưu trữ có giá trị

đặc biệt, tài liệu lưu trữ tư có giá trị đặc biệt/di sản tư liệu trong Danh mục của UNESCO khi đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài và các thỏa thuận khác có liên quan *(nếu có)*.

Điều 7. Các thỏa thuận khác *(nếu có)*

Điều 8. Hiệu lực của Biên bản xác nhận

Biên bản này có hiệu lực từ ngày đến ngày

Biên bản này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký và ghi rõ họ tên;

ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,

chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký và ghi rõ họ tên;

ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,

chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

...(01)...
(02).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

**DANH MỤC DI VẬT/CỔ VẬT/BẢO VẬT QUỐC GIA/
 DI SẢN TƯ LIỆU TRONG DANH MỤC QUỐC GIA VÀ
 DANH MỤC CỦA UNESCO ĐƯA ĐI TRƯNG BÀY, NGHIÊN CỨU
 HOẶC BẢO QUẢN CÓ THỜI HẠN Ở TRONG NƯỚC/NƯỚC NGOÀI**

STT	Tên di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO	Chất liệu chính	Số lượng	Nơi lưu giữ	Niên đại	Kích thước (cm)	Số kiểm kê (nếu có)	Hình ảnh	Số và ngày đăng ký di vật, cổ vật/Quyết định công nhận bảo vật quốc gia/ghi danh di sản tư liệu
1									
...									

Tổng số di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu: ... (Bằng chữ: ...)

CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

TÊN CƠ QUAN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG
HỘI ĐỒNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

**KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ
DI VẬT/CỔ VẬT/BẢO VẬT QUỐC GIA/DI SẢN TƯ LIỆU
TRONG DANH MỤC QUỐC GIA VÀ DANH MỤC CỦA UNESCO
QUY ĐỔI BẰNG TIỀN ĐỂ MUA BẢO HIỂM CHO DI VẬT,
CỔ VẬT, BẢO VẬT QUỐC GIA/DI SẢN TƯ LIỆU TRONG
DANH MỤC QUỐC GIA VÀ DANH MỤC CỦA UNESCO
ĐƯỢC ĐƯA ĐI TRƯNG BÀY, NGHIÊN CỨU HOẶC
BẢO QUẢN CÓ THỜI HẠN Ở NƯỚC NGOÀI**

Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng xác định giá trị di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài (sau đây gọi là Hội đồng).

Hội đồng họp hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ..., tại để xem xét, đánh giá và xác định giá trị di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

Số thành viên Hội đồng có mặt (*trên tổng số thành viên*):, gồm:

1.
2.
3.

Số thành viên Hội đồng vắng mặt (*trên tổng số thành viên*):, gồm:

1.
2.
3.

Nội dung và kết quả làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã nghe Tổ thư ký của Hội đồng trình bày báo cáo đánh giá xác định giá trị di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

2. Hội đồng đã xem xét, thảo luận, đánh giá và có ý kiến đối với từng di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO và thống nhất xác định giá trị di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài.

3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu và tiến hành bỏ phiếu

Ban kiểm phiếu (gồm 03 thành viên Hội đồng):

- Trưởng ban:

- Ủy viên: 1.

2.

4. Kết quả làm việc và kiến nghị của Hội đồng

Căn cứ kết quả bỏ phiếu và kiểm phiếu, Hội đồng thống nhất xác định giá trị di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài, cụ thể như sau:

STT	Tên di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO	Hình ảnh	Giá trị quy đổi bằng tiền
1			
...			
	TỔNG CỘNG		
	Bằng chữ:		

Hội đồng đề nghị (*Cơ quan thành lập Hội đồng*) xem xét, quyết định xác định giá trị di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO quy đổi bằng tiền để mua bảo hiểm cho di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

11. Thủ tục xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng hạng II, hạng III (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập, bảo tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ khoa học tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Đối với trường hợp xếp hạng, xếp lại hạng của bảo tàng ngoài công lập, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi 01 bộ hồ sơ khoa học tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ khoa học và thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập, bảo tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nếu hồ sơ khoa học không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ khoa học liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập, bảo tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ khoa học liên quan. Hết thời hạn nêu trên, nếu chưa nhận được hồ sơ khoa học hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ khoa học.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ khoa học hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiến hành xin ý kiến của Hội đồng thẩm định cấp chuyên ngành và Hội đồng thẩm định cấp tỉnh quy định tại điểm d khoản 1 và thành lập theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 90 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và tổ chức thẩm định.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng thẩm định cấp chuyên ngành nhận được đề nghị cho ý kiến, cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao trách nhiệm gửi hồ sơ khoa học tới Hội đồng để thẩm định.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học đề nghị thẩm định, Hội đồng thẩm định cấp chuyên ngành tiến hành thẩm định hồ sơ khoa học và gửi kết quả thẩm định tới cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, giao trách nhiệm.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp chuyên ngành, gửi kết quả và hồ sơ khoa học xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng tới Hội đồng thẩm định cấp tỉnh để thẩm định.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tiến hành thẩm định và gửi kết quả thẩm định tới cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao trách nhiệm để tổng hợp.

- Trường hợp phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện nội dung hồ sơ khoa học, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập, bảo

tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa nội dung hồ sơ khoa học.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập, bảo tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ khoa học, gửi tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hết thời hạn nêu trên, nếu chưa nhận được hồ sơ khoa học đã hoàn thiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ khoa học.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh hoặc nhận được hồ sơ khoa học đã hoàn thiện (trường hợp hồ sơ khoa học được yêu cầu phải bổ sung, chỉnh sửa), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ khoa học tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra thực tế theo đề nghị Cục Di sản văn hóa; có ý kiến bằng văn bản đối với việc xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng hạng II, hạng III.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng hạng II, hạng III; đồng thời báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(2) Cách thức thực hiện:

Gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị xếp hạng, xếp lại hạng của bảo tàng công lập gửi cơ quan chủ quản; văn bản đề nghị xếp hạng, xếp lại hạng của bảo tàng ngoài công lập gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(2) Văn bản đề nghị xếp hạng, xếp lại hạng của cơ quan chủ quản bảo tàng công lập, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(3) Văn bản đề nghị xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(4) Báo cáo hiện trạng theo tiêu chuẩn xếp hạng quy định tại Điều 63 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và các tài liệu kèm theo.

(5) Tài liệu liên quan đến công tác thẩm định hồ sơ khoa học xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ khoa học hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiến hành xin ý kiến của Hội đồng thẩm định cấp chuyên ngành và Hội đồng thẩm định cấp tỉnh quy định tại điểm d khoản 1 và

thành lập theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 90 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và tổ chức thẩm định.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng thẩm định cấp chuyên ngành nhận được đề nghị cho ý kiến, cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao trách nhiệm gửi hồ sơ khoa học tới Hội đồng để thẩm định.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học đề nghị thẩm định, Hội đồng thẩm định cấp chuyên ngành tiến hành thẩm định hồ sơ khoa học và gửi kết quả thẩm định tới cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, giao trách nhiệm.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp chuyên ngành, gửi kết quả và hồ sơ khoa học xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng tới Hội đồng thẩm định cấp tỉnh để thẩm định.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khoa học, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tiến hành thẩm định và gửi kết quả thẩm định tới cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao trách nhiệm để tổng hợp.

- Trường hợp phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện nội dung hồ sơ khoa học, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập, bảo tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa nội dung hồ sơ khoa học.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập, bảo tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ khoa học, gửi tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hết thời hạn nêu trên, nếu chưa nhận được hồ sơ khoa học đã hoàn thiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ khoa học.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh hoặc nhận được hồ sơ khoa học đã hoàn thiện (trường hợp hồ sơ khoa học được yêu cầu phải bổ sung, chỉnh sửa), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ khoa học tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được được hồ sơ khoa học hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra thực tế theo đề nghị Cục Di sản văn hóa; có ý kiến bằng văn bản đối với việc xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng hạng II, hạng III.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng hạng II, hạng III; đồng thời báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(5) Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập, bảo tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện: Quyết định.**(8) Phí, lệ phí:** Không quy định.**(9) Mẫu đơn, tờ khai:** Không quy định.**(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Không quy định.**(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:**

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.
- Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 ngày 12 năm 2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

12. Thủ tục đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh và di tích trong Danh mục kiểm kê di tích thuộc sở hữu toàn dân

(1) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức hoặc người đại diện được giao quản lý di tích gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi có di tích có ý kiến đối với đề nghị đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh và di tích trong Danh mục kiểm kê di tích thuộc sở hữu toàn dân.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày có ý kiến thống nhất của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh và di tích trong Danh mục kiểm kê di tích thuộc sở hữu toàn dân, tổ chức hoặc người đại diện được giao quản lý, sử dụng di tích hoàn thành việc đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tuyến.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(2) Thuyết minh: lý do, sự cần thiết, cơ sở pháp lý để đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; hiện trạng bài trí nội thất, số lượng hiện vật hiện có tại công trình di tích; phương án đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; đánh giá việc đáp ứng sự phù hợp, điều kiện của việc đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích.

(3) Phiếu thông tin hiện vật: mỗi di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu lập 01 (một) phiếu, theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(4) Ảnh chụp hiện vật: 03 ảnh màu, khổ 10cm x 15cm (01 ảnh chụp tổng thể vị trí đặt hiện vật; 02 ảnh chụp đặc tả chi tiết mặt trước, mặt sau của hiện vật, có đặt thước tỉ lệ), bảo đảm đủ cơ sở nhận diện hiện vật; ảnh chụp hiện vật cũ di dời, thay đổi (nếu có).

(5) Văn bản chứng nhận hiện vật đã được giám định, đăng ký hoặc công nhận (đối với bảo vật quốc gia) và ghi danh (đối với di sản tư liệu trong danh mục của quốc gia và của UNESCO).

(6) Bản vẽ hiện trạng và bản vẽ phương án sơ đồ bài trí hiện vật, đồ thờ nội thất của công trình di tích, tỷ lệ 1:50-1:100.

(7) Bản vẽ phương án thiết kế hiện vật đưa thêm, di dời, thay đổi, tỷ lệ 1:50-1:100.

(8) Ý kiến của tổ chức, cá nhân và cộng đồng địa phương về việc đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

(4) **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(5) **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức hoặc người đại diện được giao quản lý di tích.

(6) **Cơ quan giải quyết:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) **Kết quả thực hiện:** Văn bản đồng ý hoặc không đồng ý.

(8) **Phí, lệ phí:** Không quy định.

(9) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Phiếu thông tin hiện vật: mỗi di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu lập 01 (một) phiếu, theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(10) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Không quy định.

(11) **Căn cứ pháp lý của TTHC NB:**

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024.

- Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về kiểm kê di sản văn hóa, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa; đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; phân loại di vật, cổ vật; kho bảo quản di sản tư liệu; di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa.

- Quyết định số 2115/QĐ-BVHTTDL ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**TÊN TỔ CHỨC/
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...(nếu là Tổ chức)
V/v đề nghị đưa thêm/di dời/ thay đổi
hiện vật trong di tích

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Di sản văn hóa

1. Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2002 và Thông tư số 04/2005/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về kiểm kê di sản văn hóa, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa; đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; phân loại di vật, cổ vật; kho bảo quản di sản tư liệu; di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị (tên Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Di sản văn hóa) cho phép đưa thêm/ di dời/ thay đổi... (số lượng, theo Danh mục...) hiện vật trong di tích ... (tên di tích, địa điểm).

2. Mục đích: (Nêu rõ mục đích đưa thêm/ di dời/ thay đổi hiện vật trong di tích)

3. Lý do: (Nêu rõ lý do và sự phù hợp của việc đưa thêm/ di dời/ thay đổi hiện vật trong di tích).

4. Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị:

- Tên tổ chức/cá nhân:

- Người đứng đại diện theo pháp luật:

- Địa chỉ:

- Quốc gia:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

5. Thông tin về tổ chức/cá nhân phối hợp (bên giao/bên tiếp nhận) hiện vật:

- Tên tổ chức/cá nhân:

- Người đứng đại diện theo pháp luật:

- Địa chỉ:

- Quốc gia:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

6. Thời gian dự kiến đưa thêm/ di dời/ thay đổi hiện vật trong di tích:

7. Tài liệu kèm theo:

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH/THÀNH PHỐ
(ĐƠN VỊ LẬP HỒ SƠ DI TÍCH)

PHIẾU THÔNG TIN HIỆN VẬT *
THUỘC DI TÍCH ...

Xã (phường, đặc khu)... tỉnh/thành phố ...

Tên hiện vật	Nguồn gốc	Thời kỳ /niên đại	Loại hiện vật	Chất liệu	Kích thước, trọng lượng	Miêu tả hiện vật	Tình trạng bảo quản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

..., ngày ... tháng ... năm ... Xác nhận của tổ chức, cá nhân chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích	..., ngày ... tháng ... năm ... Xác nhận của Sở VH TTDL
--	--

Chú thích:

- * Phiếu thông tin hiện vật thống nhất thực hiện trên khổ giấy A3, cỡ chữ 13 hoặc 14.
- (1) Ghi rõ tên thường gọi của hiện vật và tên gọi khác (nếu có).
- (2) Ghi rõ nguồn gốc hiện vật: vốn có, khai quật, mua bán, trao đổi, tặng cho, chuyển giao, giao nộp, thu giữ và nguồn gốc khác.
- (3) Ghi rõ hiện vật thuộc thời kỳ văn hoá nào, niên đại tương đối, niên đại tuyệt đối của hiện vật.
- (4) Ghi rõ hiện vật là: di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu được kiểm kê, ghi danh trong các danh mục của quốc gia hay trong danh mục của UNESCO.
- (5) Ghi rõ chất liệu, nhóm chất liệu chính của hiện vật: gốm, sành sứ, kim loại và hợp kim, gỗ, tre, nứa, giấy, phim, vải, len, lụa, da, lông thú, xương, sừng, vỏ động vật, vỏ nhuyễn thể, đá, đá quý, thủy tinh, pha lê, xi măng, thạch cao, nhựa, cao su, vỏ, sợi thực vật, ...
- (6) Ghi các kích thước cơ bản của hiện vật theo đơn vị centimet, trọng lượng của hiện vật theo đơn vị gam (trường hợp hiện vật có trọng lượng quá lớn hoặc để ở vị trí không thể cân, đo được thì ước tính), dung lượng thông tin lưu giữ.
- (7) Miêu tả hiện vật và nêu rõ các dấu tích đặc biệt (nếu có).
- (8) Ghi rõ hiện vật đang ở trong tình trạng nào sau đây: nguyên, nứt, vỡ, hỏng men, méo, rỉ, gãy, mẻ, thủng, xước, rách, sòn, bạc màu, ố bẩn, ... hay toàn vẹn, mất một phần, khuyết thiếu thông tin...
- (9) Các ghi chú khác (nếu có).

13. Kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương kiểm tra, rà soát di tích trình UBND Tỉnh ban hành quyết định phê duyệt, công bố hoặc điều chỉnh, bổ sung danh mục kiểm kê di tích.

(2) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình; báo cáo kết quả kiểm kê, phiếu kiểm kê, danh mục kiểm kê, bản ghi âm, ghi hình, ảnh chụp, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ, nhật ký kiểm kê.

(4) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

(5) Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Ban quản lý di tích cấp huyện, xã, chủ sở hữu di tích và các cá nhân có liên quan.

(6) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Tháp.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện: Di tích lịch sử - văn hóa phải có một trong các tiêu chí sau đây:

- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử, văn hóa tiêu biểu của quốc gia hoặc của địa phương.
- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc của địa phương trong các thời kỳ lịch sử.
- Địa điểm khảo cổ có giá trị tiêu biểu.
- Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hoá ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Di sản văn hoá ngày 18/6/2009.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hoá.

14. Phê duyệt danh mục tên đường và công trình công cộng

(1) Trình tự thực hiện:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp các địa phương rà soát, lập danh mục tên đường, phố và công trình công cộng cần bổ sung.

Tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng tư vấn Tỉnh, tổng hợp hoàn chỉnh trình Chủ tịch Hội đồng tư vấn Tỉnh xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung.

(2) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Công văn/Tờ trình của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Danh sách tuyến đường, công trình công cộng đề nghị đặt, đổi tên mới.
- Tiểu sử sự kiện lịch sử dự kiến đặt, đổi tên đường, công trình công cộng.
- Các văn bản có liên quan về việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

(5) Đối tượng thực hiện: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

(6) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh, Sở, ban ngành Tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cơ quan Hội đồng tư vấn đặt, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp).

- Cơ quan quyết định: Chủ tịch Hội đồng nhân dân Tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

(8) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

(9) Phí, lệ phí: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện:

- Tên danh nhân được chọn phải là người tiêu biểu trong những người nổi tiếng, có đức, có tài, có nhiều đóng góp to lớn trong quá trình xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

- Tên địa danh được chọn phải là những địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá của đất nước hoặc địa phương; địa danh đã quen dùng từ xa xưa và đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân hoặc tên địa phương kết nghĩa có mối quan hệ đặc biệt.

- Tên di tích lịch sử văn hoá; tên danh lam, thắng cảnh được chọn phải là những di tích, danh thắng tiêu biểu, quen thuộc với nhân dân và đã được công nhận xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá.

- Tên các sự kiện lịch sử, phong trào cách mạng và những chiến thắng chống xâm lược phải là những sự kiện lịch sử, phong trào cách mạng và những chiến thắng chống xâm lược tiêu biểu đã được ghi nhận trong lịch sử và ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân.

- Nên lựa chọn tên các danh nhân được sinh ra tại Đồng Tháp hoặc là người địa phương khác có cuộc đời sự nghiệp gắn bó với tỉnh Đồng Tháp, những địa danh, sự kiện lịch sử của tỉnh để chọn đặt tên cho đường và công trình công cộng.

- Tên danh nhân bao gồm cả danh nhân nước ngoài. Danh nhân đó phải là người nổi tiếng, có đức, có tài, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc cũng như của địa phương hoặc có đóng góp đặc biệt cho đất nước, có công lớn trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc, được nhân dân suy tôn và thừa nhận.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

15. Đặt mới, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh

(1) Trình tự thực hiện:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét thẩm định hồ sơ; Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định, biểu quyết thông qua hồ sơ trình Hội đồng tư vấn Tỉnh; Hội đồng tư vấn Tỉnh họp thông qua hồ sơ; trình Hội đồng nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định (thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Tỉnh).

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung.

(2) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Công văn/Tờ trình của UBND huyện, thành phố.
- Danh sách tuyến đường, công trình công cộng đề nghị đặt, đổi tên mới.
- Tiểu sử sự kiện lịch sử dự kiến đặt, đổi tên đường, công trình công cộng.
- Sơ đồ, vị trí tuyến đường, công trình công cộng đề nghị đặt, đổi tên mới.
- Các văn bản có liên quan về việc lấy ý kiến (các Hội, Đoàn thể).
- Công văn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Hội đồng tư vấn.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*cơ quan Hội đồng tư vấn đặt, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*).

- Cơ quan quyết định: UBND Tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Chủ tịch UBND Tỉnh.

(8) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

(9) Phí, lệ phí: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: là sự kiện, nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa có công với quê hương, đất nước ...

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

16. Hồ sơ đề nghị lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh

(1) Trình tự thực hiện:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao phòng chuyên môn xem xét, thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định; Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, sẽ trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung.

(2) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc trực tuyến.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Quyết định phê duyệt danh mục kiểm kê di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh giai đoạn (2021 - 2025).

(2) Công văn đề nghị lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh của địa phương (huyện, thành phố).

(3) Đơn xin xếp hạng di tích (của Ban tế tự đình, đền miếu,...); Lược sử di tích; trích lục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến di tích.

(4) Bộ hồ sơ hoàn chỉnh:

+ Tờ trình đề nghị xếp hạng di tích (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình UBND Tỉnh).

+ Lý lịch di tích.

+ Tập ảnh khảo tả hiện vật.

+ Tập khảo tả di tích.

+ Bản vẽ hiện trạng di tích.

+ Bảng thống kê hiện vật.

+ Biên bản và bản đồ khoan vùng bảo vệ di tích.

+ Công văn giải trình không có khu vực bảo vệ II (nếu di tích chỉ có khu vực bảo vệ I).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC: Các sở, ngành, địa phương liên quan.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan quyết định: UBND Tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định xếp hạng di tích và bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh.

(8) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

(9) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: là những di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh nằm trong danh mục kiểm kê.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá ngày 18/6/2009.

- Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá.

- Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.

- Căn cứ Thông tư số 18/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.

17. Thủ tục phê duyệt quy hoạch khảo cổ

(1) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quyết định phê duyệt quy hoạch khảo cổ.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình phê duyệt quy hoạch khảo cổ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Báo cáo thuyết minh theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bản đồ số và bản đồ in theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Bộ ảnh màu cỡ 10 x 15 cm, chụp hiện trạng tổng thể từng địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ.

(5) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy hoạch khảo cổ.

(6) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy hoạch khảo cổ.

(7) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(8) Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch khảo cổ bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại các điểm c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 6 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình phê duyệt quy hoạch khảo cổ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ VĂN HÓA CẤP TỈNH
UBND TỈNH/THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

Số:

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH
Về việc thẩm định/phê duyệt quy hoạch khảo cổ.....(1)

Kính gửi: Tên cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt (2)

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(1) Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định/có ý kiến đối với.....(1), hoặc (3)..... trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương(2) phê duyệt.....(1) với các nội dung chính sau:

I. NỘI DUNG QUY HOẠCH KHẢO CỔ

1. Tên quy hoạch khảo cổ.

2. Tổng hợp số lượng và diện tích địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

3. Các nội dung chính của quy hoạch khảo cổ:

a) Tổng hợp các thông tin khoa học về các di tích, di vật được phát hiện tại địa điểm, khu vực khảo cổ và căn cứ khoa học về dấu hiệu của sự tồn tại di tích, di vật tại địa điểm, khu vực khảo cổ trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

b) Tổng hợp kế hoạch thăm dò, khai quật địa điểm, khu vực khảo cổ.

c) Định hướng, giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị địa điểm, khu vực khảo cổ trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

d) Kế hoạch, phương án, nguồn lực tổng thể nghiên cứu, thăm dò, khai quật và bảo vệ, phát huy giá trị địa điểm, khu vực khảo cổ trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập. Đối với một trong những trường hợp sau:

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định quy hoạch khảo cổ.

b) Báo cáo thuyết minh.

c) Bản đồ số và bản đồ in.

d) Bộ ảnh màu cỡ 10 x 15 cm, chụp hiện trạng tổng thể từng địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ.

đ) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy hoạch khảo cổ.

e) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy hoạch khảo cổ.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Tờ trình phê duyệt quy hoạch khảo cổ.

b) Hồ sơ theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

d) Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch khảo cổ.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH KHẢO CỔ

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch, thời gian thực hiện quy hoạch khảo cổ.

2. Phân công trách nhiệm thực hiện quy hoạch khảo cổ.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ VĂN HÓA

CẤP TỈNH/UBND TỈNH/THÀNH PHỐ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên quy hoạch khảo cổ.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

(3): Tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.

18. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ

(1) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Tờ trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Báo cáo thuyết minh tổng hợp các nội dung điều chỉnh quy hoạch khảo cổ quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bản đồ số và bản đồ in gồm: bản đồ hiện trạng phát hiện mới các địa điểm, khu vực phát hiện dấu hiệu của sự tồn tại di tích, di vật khảo cổ; bản đồ xác định phạm vi, ranh giới từng địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ được phát hiện mới hoặc điều chỉnh. Tỷ lệ bản đồ từ 1:2.000 - 1:500 hoặc tỷ lệ phù hợp.

(4) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

(5) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

(6) Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ VĂN HÓA CẤP TỈNH
UBND TỈNH/THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

Số:

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH

Về việc lấy ý kiến/phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.....(1)

Kính gửi: Tên cơ quan lấy ý kiến/cơ quan phê duyệt (2)

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(1)..... Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định/có ý kiến đối với.....(1), hoặc (3)..... trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.....(2) phê duyệt ...(1) với các nội dung chính sau:

I. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH KHẢO CỔ

1. Tên quy hoạch khảo cổ.
2. Tổng hợp số lượng và diện tích địa điểm, khu vực điều chỉnh quy hoạch khảo cổ trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.
3. Các nội dung chính của điều chỉnh quy hoạch khảo cổ:
 - a) Căn cứ điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.
 - b) Tổng hợp số lượng và diện tích địa điểm, khu vực điều chỉnh quy hoạch khảo cổ điều chỉnh trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.
 - c) Tổng hợp các thông tin khoa học về các di tích, di vật được phát hiện mới tại địa điểm, khu vực khảo cổ hoặc căn cứ khoa học phát sinh, phát hiện mới về dấu hiệu của sự tồn tại di tích, di vật tại địa điểm, khu vực khảo cổ.
 - d) Tổng hợp phương án điều chỉnh bảo vệ và phát huy giá trị địa điểm, khu vực khảo cổ.
 - đ) Kế hoạch, phương án, nguồn lực nghiên cứu, thăm dò, khai quật địa điểm, khu vực điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

e) Nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập. Đối với một trong những trường hợp sau:

1. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Tờ trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

b) Báo cáo thuyết minh tổng hợp các nội dung điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

c) Bản đồ số và bản đồ in gồm: bản đồ hiện trạng phát hiện mới các địa điểm, khu vực phát hiện dấu hiệu của sự tồn tại di tích, di vật khảo cổ; bản đồ xác định phạm vi, ranh giới từng địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ được phát hiện mới hoặc điều chỉnh. Tỷ lệ bản đồ từ 1:2.000 - 1:500 hoặc tỷ lệ phù hợp.

d) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

đ) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

e) Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

2. Hồ sơ lấy ý kiến gồm:

a) Văn bản đề nghị điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

b) Báo cáo thuyết minh tổng hợp các nội dung điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

c) Bản đồ số và bản đồ in gồm: bản đồ hiện trạng phát hiện mới các địa điểm, khu vực phát hiện dấu hiệu của sự tồn tại di tích, di vật khảo cổ; bản đồ xác định phạm vi, ranh giới từng địa điểm, khu vực quy hoạch khảo cổ được phát hiện mới hoặc điều chỉnh. Tỷ lệ bản đồ từ 1:2.000 - 1:500 hoặc tỷ lệ phù hợp.

d) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

đ) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư nơi có địa điểm, khu vực khảo cổ, tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

e) Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH KHẢO CỔ

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch, thời gian thực hiện điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

2. Phân công trách nhiệm thực hiện điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ VĂN HÓA
CẤP TỈNH/UBND TỈNH/THÀNH PHỐ**

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi tên quy hoạch khảo cổ.
- (2): Ghi tên cơ quan lấy ý kiến là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.
- (3): Tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.

19. Thủ tục phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư lập nhiệm vụ lập quy hoạch di tích gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Báo cáo khảo sát sơ bộ khu vực dự kiến lập quy hoạch.

(4) Bản đồ số và bản đồ in theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

(6) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

(7) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(8) Văn bản thỏa thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích (trường hợp di tích phân bố trên địa bàn 02 tỉnh trở lên).

(9) Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB:

Chủ đầu tư lập nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích...(1)**

Kính gửi: (2)..... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan tổ chức ở trung ương (2) ... đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch di tích...(1) ..., hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích...(1), với các nội dung chính sau:

I. NỘI DUNG NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Tên Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.
2. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch di tích và phạm vi lập quy hoạch di tích:
 - a) Phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch di tích.
 - b) Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch di tích.
3. Các nội dung chính của Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập. Đối với một trong những trường hợp sau:

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm:
 - a) Văn bản đề nghị thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.
 - b) Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.
 - c) Báo cáo khảo sát sơ bộ khu vực dự kiến lập quy hoạch.

d) Bản đồ số và bản đồ in.

đ) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

e) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.

b) Hồ sơ theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

d) Văn bản thỏa thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích (trường hợp di tích phân bố trên địa bàn 02 tỉnh trở lên).

đ) Văn bản thỏa thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di tích (trường hợp Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch).

e) Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH DI TÍCH

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian lập quy hoạch di tích.

2. Tổ chức thực hiện:

a) Cơ quan phê duyệt.

b) Cơ quan thẩm định và trình duyệt.

c) Cơ quan quản lý lập quy hoạch di tích.

d) Cơ quan chủ đầu tư.

(2)..... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích.....(1).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên quy hoạch di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tên cơ quan phê duyệt là Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan tổ chức ở trung ương.

20. Thủ tục phê duyệt quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư lập quy hoạch di tích gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt quy hoạch di tích.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch di tích theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Báo cáo thuyết minh theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bản đồ số và bản đồ in theo quy định tại khoản 2 Điều 17 N Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan;

(5) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Văn bản thỏa thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di tích (trường hợp di tích phân bố trên địa bàn 02 tỉnh trở lên).

(7) Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch di tích bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư lập quy hoạch di tích.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch di tích theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt quy hoạch di tích...(1)**

Kính gửi: (2)..... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan tổ chức ở trung ương ... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định quy hoạch di tích.....(1); hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch di tích... (1), với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên quy hoạch.
2. Tên cơ quan tổ chức lập quy hoạch di tích.
3. Chủ đầu tư lập quy hoạch di tích.
4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch di tích.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Mục tiêu quy hoạch di tích.
2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch di tích:
 - a) Phạm vi lập quy hoạch di tích;
 - b) Ranh giới lập quy hoạch di tích.
3. Nội dung quy hoạch di tích:
 - a) Phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và đất đai thuộc di tích:
 - Tình trạng kỹ thuật, quản lý, bảo vệ di tích và môi trường tự nhiên, môi trường xã hội tác động đến di tích.
 - Đặc điểm, giá trị di tích.

- Mỗi liên hệ với các di tích khác trong khu vực nghiên cứu.

b) Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

- Điều chỉnh, mở rộng hoặc thu hẹp khu vực bảo vệ di tích.

- Phương hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- Danh mục công trình cần bảo quản, tu bổ, phục hồi.

- Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Định hướng quy hoạch không gian bảo tồn, phát huy giá trị di tích:

- Phân vùng chức năng.

- Định hướng tổ chức không gian, tôn tạo kiến trúc cảnh quan di tích.

- Giải pháp phát triển du lịch.

d) Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

đ) Xác định các nhóm dự án thành phần, dự án ưu tiên đầu tư:

- Các nhóm dự án thành phần.

- Các nhóm dự án ưu tiên đầu tư.

e) Thời gian thực hiện Quy hoạch:

- Giai đoạn 1.

- Giai đoạn 2.

.....

g) Vốn đầu tư:

- Vốn từ ngân sách trung ương.

- Vốn ngân sách địa phương.

- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

h) Giải pháp, cơ chế và nguồn lực thực hiện quy hoạch di tích:

- Giải pháp:

+ Giải pháp quản lý.

+ Giải pháp đầu tư.

+ Giải pháp phát triển nguồn nhân lực.

- Cơ chế và nguồn lực thực hiện.

4. Tổ chức thực hiện:

- Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan.

III. NỘI DUNG TIẾP THU CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP

1. Ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của các bộ, ngành.

2. Ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định.

3. Ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của cơ quan chủ trì thẩm định.

(1)..... hoặc (2)..... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt quy hoạch di tích.....(1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên quy hoạch di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tên cơ quan phê duyệt là Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương.

21. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch di tích gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh quy hoạch di tích.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh quy hoạch di tích theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bản đồ số và bản đồ in theo quy định tại điểm b, c và d khoản 2 Điều 17 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ; phương án điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1:500 - 1:2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp.

(4) Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch bao gồm các nội dung quy định tại các điểm a, c, d, đ, g, i và l khoản 1 Điều 17 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

(6) Báo cáo tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

(7) Các văn bản pháp lý và tài liệu liên quan.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch di tích.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh quy hoạch di tích theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt điều chỉnh quy hoạch di tích... (1)**

Kính gửi: (2)..... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành cơ quan, tổ chức ở trung ương ... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh quy hoạch di tích... (1); hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch di tích.....(1), với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Tên quy hoạch di tích.
2. Tên cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch di tích.
3. Chủ đầu tư lập điều chỉnh quy hoạch di tích.
4. Đơn vị tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch di tích.

II. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Lý do, căn cứ điều chỉnh quy hoạch di tích (nêu cụ thể lý do cần điều chỉnh, dẫn chứng căn cứ pháp lý hoặc thực tiễn nếu có).

2. Nội dung quy hoạch di tích đã được phê duyệt (Tóm tắt nội dung quy hoạch di tích đã được phê duyệt).

3. Nội dung quy hoạch di tích đề nghị điều chỉnh:

a) Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch di tích.

b) Phạm vi và ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch di tích:

Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch di tích.

Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch di tích.

c) Phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và đất đai thuộc di tích:

- Tình trạng kỹ thuật, quản lý, bảo vệ di tích và môi trường tự nhiên, môi trường xã hội tác động đến di tích.

- Đặc điểm, giá trị di tích.
- Mối liên hệ với các di tích khác trong khu vực nghiên cứu.
- d) Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:
 - Điều chỉnh, mở rộng hoặc thu hẹp khu vực bảo vệ di tích.
 - Phương hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Danh mục công trình cần bảo quản, tu bổ, phục hồi.
 - Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
- đ) Định hướng quy hoạch không gian bảo tồn, phát huy giá trị di tích:
 - Phân vùng chức năng.
 - Định hướng tổ chức không gian, tôn tạo kiến trúc cảnh quan di tích.
 - Giải pháp phát triển du lịch.
- e) Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.
- g) Xác định các nhóm dự án thành phần, dự án ưu tiên đầu tư:
 - Các nhóm dự án thành phần.
 - Các nhóm dự án ưu tiên đầu tư.
- h) Thời gian thực hiện Quy hoạch:
 - Giai đoạn 1.
 - Giai đoạn 2.
 -
- i) Vốn đầu tư:
 - Vốn từ ngân sách trung ương.
 - Vốn ngân sách địa phương.
 - Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.
- k) Giải pháp, cơ chế và nguồn lực thực hiện quy hoạch di tích:
 - Giải pháp quản lý.
 - Giải pháp đầu tư.
 - Giải pháp phát triển nguồn nhân lực.
 - Cơ chế và nguồn lực thực hiện.
- l) Tổ chức thực hiện:
 - Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
 - Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
 - Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan.

III. HỒ SƠ KÈM THEO

Hồ sơ quy hoạch di tích đã được phê duyệt; hoặc Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch di tích.

IV. NỘI DUNG TIẾP THU CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP

1. Ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của các bộ, ngành.
2. Ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định.
3. Ý kiến và giải trình ý kiến góp ý của cơ quan chủ trì thẩm định.

(1)..... hoặc (2)..... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt điều chỉnh quy hoạch di tích.....(1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên quy hoạch di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương.

22. Thủ tục xác nhận di tích xuống cấp để lập dự án tu bổ di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư dự án tu bổ di tích nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chủ đầu tư dự án tu bổ di tích có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trả lời bằng văn bản ý kiến xác nhận di tích bị xuống cấp lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Trường hợp từ chối xác nhận di tích bị xuống cấp lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị xác nhận di tích xuống cấp để lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của chủ đầu tư dự án tu bổ di tích kèm theo ý kiến bằng văn bản của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao trực tiếp quản lý, sử dụng di tích.

(2) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm, chụp hiện trạng di tích xuống cấp.

(3) Mô tả hiện trạng xuống cấp của di tích; thuyết minh sự cần thiết lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và nguồn vốn thực hiện.

(4) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có).

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản đồng ý hoặc không đồng ý.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

23. Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, trong 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị thẩm định theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại khoản 2 Điều 25 hoặc điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Thiết kế cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 25 hoặc điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

(8) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản thẩm định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị thẩm định theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc (3)... chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) hoặc; cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh... (2) trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ... (2) phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi và xây dựng mới.
 - Phương án phát huy giá trị di tích.

6. Dự toán kinh phí thực hiện.
7. Nguồn vốn thực hiện.
8. Thời gian thực hiện.
9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế cơ sở.
- đ) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, **Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.**
- h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế bản vẽ thi công.
- đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thể giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1)..... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

(3): Ghi tên chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

24. Thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

Trường hợp Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích có nội dung tu bổ lớn hoặc có hoạt động xây dựng mới có thể tác động đến giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ được phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sau khi hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã tiếp thu, hoàn chỉnh theo ý kiến trả lời của Ủy ban Di sản thế giới và ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Thiết kế cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

(8) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị phê duyệt theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo
kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc (3)... chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) hoặc; cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh... (2) trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ... (2) phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi và xây dựng mới.
 - Phương án phát huy giá trị di tích.
6. Dự toán kinh phí thực hiện.
7. Nguồn vốn thực hiện.
8. Thời gian thực hiện.

9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế cơ sở.
- đ) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế bản vẽ thi công.
- đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1).... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.
- (2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.
- (3): Ghi tên chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

25. Thủ tục thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, trong 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị thẩm định điều chỉnh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Thiết kế cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

(8) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản thẩm định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị thẩm định theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu
khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)..... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật...(1); hoặc; (2)... cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trình (2) ... Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi điều chỉnh và xây dựng mới.
 - Phương án phát huy giá trị di tích.
6. Dự toán kinh phí thực hiện.
7. Nguồn vốn thực hiện.

8. Thời gian thực hiện.

9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định.

b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

c) Bộ ảnh màu.

d) Thiết kế cơ sở.

đ) Dự toán kinh phí thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh **Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.**

h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.

b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Bộ ảnh màu.

d) Thiết kế bản vẽ thi công.

đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.

e) Báo cáo kết quả thẩm tra điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1).... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.
- (2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

26. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

Trường hợp Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích có nội dung tu bổ lớn hoặc có hoạt động xây dựng mới có thể tác động đến giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ được phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sau khi hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã tiếp thu, hoàn chỉnh theo ý kiến trả lời của Ủy ban Di sản thế giới và ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Thiết kế cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

(8) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu
khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)..... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật...(1); hoặc; (2)... cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trình (2) ... Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi điều chỉnh và xây dựng mới.
 - Phương án phát huy giá trị di tích.
6. Dự toán kinh phí thực hiện.
7. Nguồn vốn thực hiện.

8. Thời gian thực hiện.

9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định.

b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

c) Bộ ảnh màu.

d) Thiết kế cơ sở.

đ) Dự toán kinh phí thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.

b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Bộ ảnh màu.

d) Thiết kế bản vẽ thi công.

đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.

e) Báo cáo kết quả thẩm tra điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1).... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.
- (2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

27. Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, trong 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị thẩm định theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Thiết kế cơ sở theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

(8) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản thẩm định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị thẩm định theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo
kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc (3)... chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) hoặc; cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh... (2) trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ... (2) phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi và xây dựng mới.
 - Phương án phát huy giá trị di tích.
6. Dự toán kinh phí thực hiện.
7. Nguồn vốn thực hiện.
8. Thời gian thực hiện.

9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế cơ sở.
- đ) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, **Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.**

h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế bản vẽ thi công.
- đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1).... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.
- (2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.
- (3): Ghi tên chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

28. Thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Thiết kế cơ sở theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

(8) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị phê duyệt theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc (3)... chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) hoặc; cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh... (2) trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ... (2) phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi và xây dựng mới.
 - Phương án phát huy giá trị di tích.
6. Dự toán kinh phí thực hiện.
7. Nguồn vốn thực hiện.
8. Thời gian thực hiện.

9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế cơ sở.
- đ) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, **Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.**

h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế bản vẽ thi công.
- đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1).... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.
- (2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.
- (3): Ghi tên chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

29. Thủ tục thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, trong 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị thẩm định điều chỉnh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Thiết kế cơ sở theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

(8) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản thẩm định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị thẩm định theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu
khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)..... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật...(1); hoặc; (2)... cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trình (2) ... Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi điều chỉnh và xây dựng mới.
 - Phương án phát huy giá trị di tích.
6. Dự toán kinh phí thực hiện.
7. Nguồn vốn thực hiện.

8. Thời gian thực hiện.
9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế cơ sở.
- đ) Dự toán kinh phí thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh **Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.**
- h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế bản vẽ thi công.
- đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1)..... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

30. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Thiết kế cơ sở theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

(8) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu
khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)..... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật...(1); hoặc; (2)... cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trình (2) ... Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi điều chỉnh và xây dựng mới.

- Phương án phát huy giá trị di tích.

6. Dự toán kinh phí thực hiện.

7. Nguồn vốn thực hiện.

8. Thời gian thực hiện.

9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định.

b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

c) Bộ ảnh màu.

d) Thiết kế cơ sở.

đ) Dự toán kinh phí thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.

b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Bộ ảnh màu.

d) Thiết kế bản vẽ thi công.

đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.

e) Báo cáo kết quả thẩm tra điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1)..... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

31. Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, trong 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình đề nghị thẩm định theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Thiết kế bản vẽ thi công theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB:

Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản thẩm định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị thẩm định theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

32. Thủ tục phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Thiết kế bản vẽ thi công theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

(8) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị phê duyệt theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo
kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trung bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc (3)... chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) hoặc; cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh... (2) trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ... (2) phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi và xây dựng mới.
 - Phương án phát huy giá trị di tích.

6. Dự toán kinh phí thực hiện.
7. Nguồn vốn thực hiện.
8. Thời gian thực hiện.
9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế cơ sở.
- đ) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, **Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích**.
- h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế bản vẽ thi công.
- đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1)..... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

(3): Ghi tên chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

33. Thủ tục thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, trong 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổng hợp và có văn bản thẩm định.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Tờ trình đề nghị thẩm định điều chỉnh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Thiết kế bản vẽ thi công theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản thẩm định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị thẩm định điều chỉnh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu
khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)..... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật...(1); hoặc; (2)... cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trình (2) ... Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi điều chỉnh và xây dựng mới.

- Phương án phát huy giá trị di tích.

6. Dự toán kinh phí thực hiện.

7. Nguồn vốn thực hiện.

8. Thời gian thực hiện.

9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định.

b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

c) Bộ ảnh màu.

d) Thiết kế cơ sở.

đ) Dự toán kinh phí thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh **Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.**

h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.

b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Bộ ảnh màu.

d) Thiết kế bản vẽ thi công.

đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.

e) Báo cáo kết quả thẩm tra điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1)..... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

34. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Thiết kế bản vẽ thi công theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

(8) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu
khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)..... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật...(1); hoặc; (2)... cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trình (2) ... Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi điều chỉnh và xây dựng mới.

- Phương án phát huy giá trị di tích.

6. Dự toán kinh phí thực hiện.

7. Nguồn vốn thực hiện.

8. Thời gian thực hiện.

9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định.

b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

c) Bộ ảnh màu.

d) Thiết kế cơ sở.

đ) Dự toán kinh phí thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.

g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.

h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.

b) Thuyết minh điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Bộ ảnh màu.

d) Thiết kế bản vẽ thi công.

đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.

e) Báo cáo kết quả thẩm tra điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1)..... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định/phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

35. Thủ tục lấy ý kiến Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị có ý kiến đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến trả lời bằng văn bản.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Bản vẽ thiết kế phương án tu sửa cấp thiết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí tu sửa cấp thiết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 33 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản đồng ý hoặc không đồng ý.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh

lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo
kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trung bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc (3)... chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) hoặc; cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh... (2) trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ... (2) phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi và xây dựng mới.
 - Phương án phát huy giá trị di tích.

6. Dự toán kinh phí thực hiện.
7. Nguồn vốn thực hiện.
8. Thời gian thực hiện.
9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế cơ sở.
- đ) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, **Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.**
- h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế bản vẽ thi công.
- đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.

c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1)..... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

(3): Ghi tên chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

36. Thủ tục phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình đề nghị theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Bản vẽ thiết kế phương án tu sửa cấp thiết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí tu sửa cấp thiết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 33 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(6) Ý kiến của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo
kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương... (2) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (1); hoặc (3)... chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) hoặc; cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh... (2) trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ... (2) phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
5. Nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:
 - Hiện trạng di tích.
 - Mục tiêu.
 - Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
 - Đề xuất các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi và xây dựng mới.
 - Phương án phát huy giá trị di tích.
6. Dự toán kinh phí thực hiện.
7. Nguồn vốn thực hiện.
8. Thời gian thực hiện.

9. Các thông tin khác (nếu có).

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi

1.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoặc thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế cơ sở.
- đ) Dự toán kinh phí thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Ý kiến bằng văn bản của cộng đồng nơi có di tích, của tổ chức, cá nhân có liên quan về Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, **Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích.**
- h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

1.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Mục 1.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

2. Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

2.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc Tờ trình đề nghị thẩm định.
- b) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
- c) Bộ ảnh màu.
- d) Thiết kế bản vẽ thi công.
- đ) Dự toán kinh phí, tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện.
- e) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- g) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

2.2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt.
- b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Mục 2.1 Phần này.
- c) Văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(1)..... hoặc (2).... trình (cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật... (1).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi tên Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.
- (2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.
- (3): Ghi tên chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật di tích.

37. Thủ tục thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản đồng ý hoặc văn bản góp ý điều chỉnh, bổ sung.

Trường hợp cần thiết, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa, để thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức thẩm định, của người quyết định đầu tư. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản đồng ý hoặc văn bản góp ý điều chỉnh, bổ sung.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Báo cáo kết quả khảo sát di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Thuyết minh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Ảnh di tích theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(6) Dự toán kinh phí bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

(7) Phụ lục tài liệu có liên quan đến thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích theo quy định tại khoản 6 Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(8) Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản thẩm định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo,

xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trung bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(3)... trình (2)... thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công ... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG TU BỔ DI TÍCH

1. Tên Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH/PHÊ DUYỆT

1. Kết quả khảo sát hiện trạng di tích.
2. Giải pháp thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
3. Kinh phí thực hiện:
 - a) Dự toán kinh phí thực hiện.
 - b) Nguồn vốn thực hiện.
 - c) Thời gian thực hiện.
 - d) Các thông tin khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích hoặc Tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

2. Bộ ảnh màu và Thiết kế bản vẽ thi công.

3. Dự toán kinh phí thực hiện; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

4. Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp trình phê duyệt).

(Tên tổ chức) trình (cơ quan thẩm định) thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (Tên thiết kế bản vẽ thi công) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Thiết kế bản vẽ thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

(3): Ghi tên chủ đầu tư lập Thiết kế bản vẽ thi công.

38. Thủ tục phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Báo cáo kết quả khảo sát di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Thuyết minh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Ảnh di tích theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(6) Dự toán kinh phí bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

(7) Phụ lục tài liệu có liên quan đến thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích theo quy định tại khoản 6 Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(8) Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(9) Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trung bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(3)... trình (2)... thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công ... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG TU BỔ DI TÍCH

1. Tên Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH/PHÊ DUYỆT

1. Kết quả khảo sát hiện trạng di tích.
2. Giải pháp thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
3. Kinh phí thực hiện:
 - a) Dự toán kinh phí thực hiện.
 - b) Nguồn vốn thực hiện.
 - c) Thời gian thực hiện.
 - d) Các thông tin khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích hoặc Tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

2. Bộ ảnh màu và Thiết kế bản vẽ thi công.

3. Dự toán kinh phí thực hiện; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

4. Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp trình phê duyệt).

(Tên tổ chức) trình (cơ quan thẩm định) thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (Tên thiết kế bản vẽ thi công) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Thiết kế bản vẽ thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

(3): Ghi tên chủ đầu tư lập Thiết kế bản vẽ thi công.

39. Thủ tục thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định điều chỉnh và tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản đồng ý hoặc văn bản góp ý điều chỉnh, bổ sung.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh nội dung điều chỉnh, bổ sung.

(3) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm.

(4) Bản vẽ giải pháp tu bổ di tích đã được phê duyệt liên quan đến nội dung điều chỉnh.

(5) Bản vẽ hiện trạng và giải pháp điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (nếu có).

(6) Biên bản của Hội đồng đánh giá di tích theo quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Dự toán điều chỉnh, bổ sung.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản thẩm định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(3)... trình (2)... thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công ... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG TU BỔ DI TÍCH

1. Tên Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH/PHÊ DUYỆT

1. Kết quả khảo sát hiện trạng di tích.
2. Giải pháp thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
3. Kinh phí thực hiện:
 - a) Dự toán kinh phí thực hiện.
 - b) Nguồn vốn thực hiện.
 - c) Thời gian thực hiện.
 - d) Các thông tin khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích hoặc Tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

2. Bộ ảnh màu và Thiết kế bản vẽ thi công.

3. Dự toán kinh phí thực hiện; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

4. Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp trình phê duyệt).

(Tên tổ chức) trình (cơ quan thẩm định) thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (Tên thiết kế bản vẽ thi công) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

40. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh nội dung điều chỉnh, bổ sung.

(3) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm.

(4) Bản vẽ giải pháp tu bổ di tích đã được phê duyệt liên quan đến nội dung điều chỉnh.

(5) Bản vẽ hiện trạng và giải pháp điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (nếu có).

(6) Biên bản của Hội đồng đánh giá di tích theo quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Dự toán điều chỉnh, bổ sung.

(8) Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.**(8) Phí, lệ phí:** Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.**(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:**

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(3)... trình (2)... thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công ... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG TU BỔ DI TÍCH

1. Tên Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH/PHÊ DUYỆT

1. Kết quả khảo sát hiện trạng di tích.
2. Giải pháp thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
3. Kinh phí thực hiện:
 - a) Dự toán kinh phí thực hiện.
 - b) Nguồn vốn thực hiện.
 - c) Thời gian thực hiện.
 - d) Các thông tin khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích hoặc Tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

2. Bộ ảnh màu và Thiết kế bản vẽ thi công.

3. Dự toán kinh phí thực hiện; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

4. Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp trình phê duyệt).

(Tên tổ chức) trình (cơ quan thẩm định) thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (Tên thiết kế bản vẽ thi công) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Thiết kế bản vẽ thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

(3): Ghi tên chủ đầu tư lập Thiết kế bản vẽ thi công.

41. Thủ tục thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản đồng ý hoặc văn bản góp ý điều chỉnh, bổ sung.

Trường hợp cần thiết, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa, để thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức thẩm định, của người quyết định đầu tư. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản đồng ý hoặc văn bản góp ý điều chỉnh, bổ sung.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Bản vẽ, ảnh tư liệu liên quan đến những lần bảo quản trước đây theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí bảo quản di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản thẩm định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(3).... trình (2).... thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công ... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG TU BỒ DI TÍCH

1. Tên Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH/PHÊ DUYỆT

1. Kết quả khảo sát hiện trạng di tích.
2. Giải pháp thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
3. Kinh phí thực hiện:
 - a) Dự toán kinh phí thực hiện.
 - b) Nguồn vốn thực hiện.
 - c) Thời gian thực hiện.
 - d) Các thông tin khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích hoặc Tờ trình đề nghị phê

duyet Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

2. Bộ ảnh màu và Thiết kế bản vẽ thi công.

3. Dự toán kinh phí thực hiện; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

4. Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp trình phê duyệt).

(Tên tổ chức) trình (cơ quan thẩm định) thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (Tên thiết kế bản vẽ thi công) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Thiết kế bản vẽ thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

(3): Ghi tên chủ đầu tư lập Thiết kế bản vẽ thi công.

42. Thủ tục phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Bộ ảnh màu theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(4) Bản vẽ, ảnh tư liệu liên quan đến những lần bảo quản trước đây theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(5) Dự toán kinh phí bảo quản di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

(6) Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trung bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(3)... trình (2)... thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công ... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG TU BỔ DI TÍCH

1. Tên Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH/PHÊ DUYỆT

1. Kết quả khảo sát hiện trạng di tích.
2. Giải pháp thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
3. Kinh phí thực hiện:
 - a) Dự toán kinh phí thực hiện.
 - b) Nguồn vốn thực hiện.
 - c) Thời gian thực hiện.
 - d) Các thông tin khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích hoặc Tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

2. Bộ ảnh màu và Thiết kế bản vẽ thi công.

3. Dự toán kinh phí thực hiện; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

4. Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp trình phê duyệt).

(Tên tổ chức) trình (cơ quan thẩm định) thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (Tên thiết kế bản vẽ thi công) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Thiết kế bản vẽ thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

(3): Ghi tên chủ đầu tư lập Thiết kế bản vẽ thi công.

43. Thủ tục thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định điều chỉnh và tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản đồng ý hoặc văn bản góp ý điều chỉnh, bổ sung.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh nội dung điều chỉnh, bổ sung.

(3) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm.

(4) Bản vẽ giải pháp tu bổ di tích đã được phê duyệt liên quan đến nội dung điều chỉnh.

(5) Bản vẽ hiện trạng và giải pháp điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (nếu có).

(6) Biên bản của Hội đồng đánh giá di tích theo quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Dự toán điều chỉnh, bổ sung.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản thẩm định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(3)... trình (2)... thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công ... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG TU BỔ DI TÍCH

1. Tên Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH/PHÊ DUYỆT

1. Kết quả khảo sát hiện trạng di tích.
2. Giải pháp thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
3. Kinh phí thực hiện:
 - a) Dự toán kinh phí thực hiện.
 - b) Nguồn vốn thực hiện.
 - c) Thời gian thực hiện.
 - d) Các thông tin khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích hoặc Tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

2. Bộ ảnh màu và Thiết kế bản vẽ thi công.

3. Dự toán kinh phí thực hiện; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

4. Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp trình phê duyệt).

(Tên tổ chức) trình (cơ quan thẩm định) thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (Tên thiết kế bản vẽ thi công) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

44. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Thuyết minh nội dung điều chỉnh, bổ sung.

(3) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm.

(4) Bản vẽ giải pháp tu bổ di tích đã được phê duyệt liên quan đến nội dung điều chỉnh.

(5) Bản vẽ hiện trạng và giải pháp điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (nếu có).

(6) Biên bản của Hội đồng đánh giá di tích theo quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Dự toán điều chỉnh, bổ sung.

(8) Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.**(8) Phí, lệ phí:** Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.**(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:**

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ/TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công... (1)**

Kính gửi: (2)... cơ quan thẩm định/cơ quan phê duyệt

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(3)... trình (2)... thẩm định/phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công ... (1) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG TU BỔ DI TÍCH

1. Tên Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.
2. Địa điểm.
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại...).
4. Nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH/PHÊ DUYỆT

1. Kết quả khảo sát hiện trạng di tích.
2. Giải pháp thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
3. Kinh phí thực hiện:
 - a) Dự toán kinh phí thực hiện.
 - b) Nguồn vốn thực hiện.
 - c) Thời gian thực hiện.
 - d) Các thông tin khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Văn bản đề nghị thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích hoặc Tờ trình đề nghị phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

2. Bộ ảnh màu và Thiết kế bản vẽ thi công.

3. Dự toán kinh phí thực hiện; chi phí lập, thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích.

4. Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp trình phê duyệt).

(Tên tổ chức) trình (cơ quan thẩm định) thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (Tên thiết kế bản vẽ thi công) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Ghi tên Thiết kế bản vẽ thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm định là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh; tên cơ quan phê duyệt là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc chủ đầu tư.

(3): Ghi tên chủ đầu tư lập Thiết kế bản vẽ thi công.

45. Thủ tục lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm trong khu vực bảo vệ di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích

(1) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Di sản văn hóa gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Di sản văn hóa nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Di sản văn hóa có trách nhiệm bổ sung. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến bằng văn bản về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị cho ý kiến thẩm định về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị đối với di tích theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

(3) Vị trí của dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội đối với khu vực bảo vệ di tích.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3, Điều 29 Luật Di sản văn hóa.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản thẩm định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cho ý kiến thẩm định về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị đối với di tích theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
CHỦ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm.....

Số:.....

V/v lấy ý kiến đối với dự án đầu tư, xây
dựng công trình nằm trong, nằm ngoài
khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc
Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh ... (1)...

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

... (2)... đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.... (1) ... có ý kiến đối với dự án đầu tư, xây dựng công trình nằm trong hoặc nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới, với các nội dung chính sau:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư:.....

- Người đại diện:..... Chức vụ (nếu có):.....

2. Thông tin về dự án:

a) Địa điểm thực hiện dự án:

- Địa điểm thực hiện:.....

- Dự kiến đầu tư, xây dựng công trình nằm trong khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích..... (3) ..., hoặc dự kiến đầu tư, xây dựng công trình nằm ngoài khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích.... (3) ..., đã được xếp hạng, công nhận là di sản thế giới/di tích quốc gia đặc biệt/di tích quốc gia/di tích cấp tỉnh.

b) Hồ sơ dự án:

Gửi kèm theo văn bản này hồ sơ dự án theo quy định tại Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh ... (1) ... có ý kiến.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ
CHỦ ĐẦU TƯ**

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- (1): Ghi tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.
- (2): Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc chủ đầu tư dự án.
- (3): Ghi tên di tích.

46. Thủ tục lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích cấp tỉnh

(1) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan chủ trì thẩm định, cấp phép dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến bằng văn bản về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di tích cấp tỉnh.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị cho ý kiến thẩm định về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị đối với di tích theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

(3) Vị trí của dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội đối với khu vực bảo vệ di tích.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan chủ trì thẩm định, cấp phép dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản thẩm định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cho ý kiến thẩm định về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị đối với di tích theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
CHỦ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm.....

Số:.....

V/v lấy ý kiến đối với dự án đầu tư, xây
dựng công trình nằm trong, nằm ngoài
khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc

Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh ... (1)...

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

... (2)... đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.... (1) ... có ý kiến đối với dự án đầu tư, xây dựng công trình nằm trong hoặc nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới, với các nội dung chính sau:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư:.....

- Người đại diện:..... Chức vụ (nếu có):.....

2. Thông tin về dự án:

a) Địa điểm thực hiện dự án:

- Địa điểm thực hiện:.....

- Dự kiến đầu tư, xây dựng công trình nằm trong khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích.....(3) ..., hoặc dự kiến đầu tư, xây dựng công trình nằm ngoài khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích.... (3) ..., đã được xếp hạng, công nhận là di sản thế giới/di tích quốc gia đặc biệt/di tích quốc gia/di tích cấp tỉnh.

b) Hồ sơ dự án:

Gửi kèm theo văn bản này hồ sơ dự án theo quy định tại Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh ... (1) ... có ý kiến.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ
CHỦ ĐẦU TƯ**

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- (1): Ghi tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.
- (2): Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc chủ đầu tư dự án.
- (3): Ghi tên di tích.

47. Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp cấp giấy phép xây dựng)

(1) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ có trách nhiệm gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc địa bàn để xem xét, có ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 29 Luật Di sản văn hóa.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và trên cơ sở lấy ý kiến bằng văn bản của người đại diện, tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích, di sản thế giới, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến bằng văn bản trả lời cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ nơi có di tích, di sản thế giới đồng ý hoặc không đồng ý về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di sản thế giới. Trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(3) Bản đồ vị trí nhà ở riêng lẻ lấy ý kiến sửa chữa, cải tạo, xây dựng, trong đó thể hiện vị trí ranh giới di tích, di sản thế giới.

(4) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm, chụp vào thời điểm đề nghị, thể hiện tổng thể hiện trạng của khu vực dự kiến sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ.

(5) Các văn bản pháp lý khác có liên quan đến di tích, công trình nhà ở đơn lẻ trước đó (nếu có).

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và trên cơ sở lấy ý kiến bằng văn bản của người đại diện, tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích, di sản thế giới.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ.

(6) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản đồng ý hoặc không đồng ý.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Mẫu đơn, tờ khai: Văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ (1)
TỔ CHỨC CẤP GIẤY PHÉP
XÂY DỰNG NHÀ Ở RIÊNG LẺ
(2)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

Số:

V/v sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở
riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực
bảo vệ di tích, di sản thế giới

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh ... (3) ...

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

... (1)... hoặc (2)... đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh ... (3) ... có ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong hoặc nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới, với các nội dung chính sau:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (hoặc tên chủ hộ):.....

- Người đại diện (nếu có):.....

- Mã định danh cá nhân/thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước: Số ngày cấp// nơi cấp

2. Thông tin công trình:

a) Địa điểm sửa chữa, cải tạo, xây dựng:

- Địa điểm:.....

- Dự kiến sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích... (4) ... hoặc dự kiến xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới... (4) ..., đã được xếp hạng, công nhận là di sản thế giới/di tích quốc gia đặc biệt/di tích quốc gia/di tích cấp tỉnh.

b) Hồ sơ sửa chữa, cải tạo, xây dựng:

Gửi kèm theo văn bản này hồ sơ sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ theo quy định tại Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm

trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

Đề nghị.....(3) ... có ý kiến.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
TỔ CHỨC CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
NHÀ Ở RIÊNG LẺ

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- (1): Ghi tên chủ đầu tư.
- (2): Ghi tên tổ chức cấp giấy phép xây dựng.
- (3): Ghi tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.
- (4): Ghi tên di tích.

48. Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp cấp giấy phép xây dựng)

(1) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ có trách nhiệm gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc địa bàn để xem xét, có ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 29 Luật Di sản văn hóa.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và trên cơ sở lấy ý kiến bằng văn bản của người đại diện, tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích, di sản thế giới, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến bằng văn bản trả lời cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ nơi có di tích, di sản thế giới đồng ý hoặc không đồng ý về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di sản thế giới. Trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(2) 01 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng được quy định tại Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(3) Bản đồ vị trí cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, trong đó thể hiện vị trí di tích, di sản thế giới.

(4) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15 cm, chụp vào thời điểm đề nghị, thể hiện tổng thể hiện trạng của khu vực dự kiến xây dựng nhà ở riêng lẻ.

(5) Các văn bản pháp lý khác có liên quan đến di tích, công trình nhà ở đơn lẻ trước đó (nếu có).

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và trên cơ sở lấy ý kiến bằng văn bản của người đại diện, tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích, di sản thế giới.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ.

(6) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Văn bản đồng ý hoặc không đồng ý.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Mẫu đơn, tờ khai: Văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ (1)
TỔ CHỨC CẤP GIẤY PHÉP
XÂY DỰNG NHÀ Ở RIÊNG LẺ
(2)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

Số:

V/v sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở
riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực
bảo vệ di tích, di sản thế giới

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh ... (3) ...

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

... (1)... hoặc (2)... đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh ... (3) ... có ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong hoặc nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới, với các nội dung chính sau:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (hoặc tên chủ hộ):.....

- Người đại diện (nếu có):.....

- Mã định danh cá nhân/thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước: Số ngày cấp// nơi cấp

2. Thông tin công trình:

a) Địa điểm sửa chữa, cải tạo, xây dựng:

- Địa điểm:.....

- Dự kiến sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích... (4) ... hoặc dự kiến xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới... (4) ..., đã được xếp hạng, công nhận là di sản thế giới/di tích quốc gia đặc biệt/di tích quốc gia/di tích cấp tỉnh.

b) Hồ sơ sửa chữa, cải tạo, xây dựng:

Gửi kèm theo văn bản này hồ sơ sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ theo quy định tại Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm

trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

Đề nghị.....(3) ... có ý kiến.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
TỔ CHỨC CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
NHÀ Ở RIÊNG LẺ

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- (1): Ghi tên chủ đầu tư.
- (2): Ghi tên tổ chức cấp giấy phép xây dựng.
- (3): Ghi tên cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh.
- (4): Ghi tên di tích.

49. Thủ tục phê duyệt đề cương trưng bày bảo tàng công lập (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Bảo tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thông báo bằng văn bản tới bảo tàng công lập hoặc cơ quan, tổ chức chủ quản bảo tàng công lập nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo cần nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo tàng công lập hoặc cơ quan, tổ chức chủ quản bảo tàng công lập có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề cương trưng bày. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

(1) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản trực tiếp bảo tàng công lập.

(2) Đề cương trưng bày của bảo tàng công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về đề cương trưng bày.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Bảo tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.

- Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

50. Thủ tục quyết định việc tổ chức liên hoan 01 (một) hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức

(1) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định giao nhiệm vụ và kế hoạch tổ chức liên hoan.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình.

(2) Kế hoạch tổ chức liên hoan.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

- Căn cứ Quyết định số 3550/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

51. Thủ tục phê duyệt kế hoạch tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

(1) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định và kế hoạch tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình.

(2) Kế hoạch tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

- Căn cứ Quyết định số 3550/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

52. Thủ tục phê duyệt đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

(1) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình phê duyệt Đề án.

(2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(3) Dự thảo Đề án sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

- Căn cứ Quyết định số 3550/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ
⁽¹⁾.....

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên (các) di sản văn hóa phi vật thể:
2. Tên (các) loại hình di sản văn hóa phi vật thể:
3. Địa điểm phân bố của di sản văn hóa phi vật thể ⁽²⁾:
4. Năm di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh/ đưa vào Danh mục của quốc gia⁽³⁾
5. Cơ quan trực tiếp quản lý đề án:...
6. Thời gian thực hiện đề án:

II. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng đề án: *(vai trò, ý nghĩa của di sản đối với cộng đồng và quốc gia; khái quát những thách thức, nguy cơ trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể).*
2. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án: *(Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO, Luật Di sản văn hóa và các quy định khác có liên quan).*

III. Mục tiêu của đề án

1. Mục tiêu tổng quát.
2. Mục tiêu cụ thể.

IV. Khái quát về di sản và hiện trạng thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

1. Mô tả về một hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể thuộc phạm vi, đối tượng của đề án; cá nhân, cộng đồng chủ thể di sản; giá trị của di sản văn hóa phi vật thể.
2. Hiện trạng thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.
3. Các vấn đề, yếu tố, nguy cơ cụ thể tác động tới thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.
4. Phân tích, đánh giá tác động của đề án đến hiện trạng thực hành di sản văn hóa phi vật thể.

V. Đề xuất các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị

VI. Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu, hoạt động triển khai cụ thể của đề án

VII. Lộ trình, thời gian triển khai

VIII. Kinh phí triển khai

IX. Tên, nội dung các dự án thành phần (nếu có)

X. Trách nhiệm (của cơ quan, tổ chức, cá nhân) tổ chức thực hiện

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

CƠ QUAN CHỦ TRÌ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- (1) Tên Di sản văn hóa phi vật thể.
- (2) Ghi tới cấp thôn/làng trong trường hợp di sản văn hóa phi vật thể phân bố trong phạm vi 01 xã; ghi tới cấp xã trong trường hợp di sản văn hóa phi vật thể phân bố ở từ 02 xã trở lên.
- (3) Ghi rõ cho từng di sản, danh mục, danh sách.

53. Thủ tục phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới theo thẩm quyền; báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Dự thảo kế hoạch quản lý di sản thế giới được lập theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ đã được tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(3) Văn bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(4) Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương về nội dung kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới; bản chụp các ý kiến góp ý.

(5) Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.
- Căn cứ Quyết định số 3550/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ
PHÊ DUYỆT ⁽¹⁾****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr.....

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Về việc phê duyệt Kế hoạch quản lý,
điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới***(Tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương,
thời kỳ của Kế hoạch quản lý)*

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/
Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương
được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

.....⁽¹⁾..... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới) phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới (*tên của Di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương, thời kỳ của Kế hoạch quản lý*).

Trân trọng.

(Gửi kèm theo dự thảo kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch di sản thế giới, các văn bản, tài liệu liên quan: ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ý kiến góp ý của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, các cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương về nội dung kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,.....

CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT ⁽¹⁾*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

(1) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoặc của cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT ⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới
(Tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương,
thời kỳ của Kế hoạch quản lý)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/THÀNH PHỐ
(HOẶC BỘ TRƯỞNG, NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NGÀNH, CƠ QUAN,
TỔ CHỨC Ở TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC GIAO TRỰC TIẾP
QUẢN LÝ DI SẢN THẾ GIỚI)

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ các quy định khác có liên quan (nếu có);

Theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh (hoặc cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới) về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới) ... tại Văn bản sốngày tháng năm (kèm hồ sơ);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới (tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương, thời kỳ của Kế hoạch quản lý), (có kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,.....

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT ⁽¹⁾

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới.

54. Thủ tục phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới (cấp tỉnh)

(1) Trình tự thực hiện:

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới và báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(2) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao đề nghị phê duyệt quy chế theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Dự thảo quy chế bảo vệ di sản thế giới đã được tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(3) Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; bản chụp ý kiến của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia và ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương về nội dung quy chế bảo vệ di sản thế giới.

(4) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC NB: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC NB:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(7) Kết quả thực hiện TTHC NB: Quyết định phê duyệt.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị phê duyệt quy chế theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC NB: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh

sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

- Căn cứ Quyết định số 3550/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ
PHÊ DUYỆT ⁽¹⁾****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr.....

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Về việc phê duyệt Quy chế bảo vệ di sản thế giới
(Tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/thành phố)**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/
Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương
được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

.....⁽¹⁾..... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới) phê duyệt Quy chế bảo vệ di sản thế giới (tên của Di sản thế giới thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương).

Trân trọng.

(Gửi kèm theo dự thảo Quy chế bảo vệ Di sản thế giới; các văn bản, tài liệu liên quan: ý kiến góp ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ý kiến góp ý của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, các cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương về nội dung quy chế bảo vệ di sản thế giới).

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,.....

CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT ⁽¹⁾

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoặc của cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT ⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế bảo vệ di sản thế giới

(Tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương)

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/THÀNH PHỐ
(HOẶC BỘ TRƯỞNG, NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NGÀNH, CƠ QUAN,
TỔ CHỨC Ở TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC GIAO TRỰC TIẾP
QUẢN LÝ DI SẢN THẾ GIỚI)**

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ các quy định khác có liên quan (nếu có);

Theo đề nghị của (tên cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới, đề nghị phê duyệt Quy chế bảo vệ di sản thế giới) ... tại Văn bản sốngày tháng năm (kèm hồ sơ);

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ di sản thế giới (tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... tháng năm 20....

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thủ trưởng tổ chức trực thuộc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,.....

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT ⁽¹⁾

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới.

55. Thủ tục quyết định tổ chức bắn pháo hoa nổ hoặc thay đổi tầm bắn, thời lượng bắn pháo hoa nổ

(1) Trình tự thực hiện:

- Các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh có nhu cầu tổ chức bắn pháo hoa nổ hoặc muốn thay đổi tầm bắn, thời lượng bắn gửi trực tiếp, qua bưu chính hoặc trực tuyến văn bản đề nghị đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi tổ chức bắn pháo hoa nổ trước 15 ngày làm việc tính đến ngày dự kiến tổ chức bắn pháo hoa nổ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Trường hợp không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị cho phép bắn pháo hoa nổ hoặc thay đổi tầm bắn, thời lượng bắn (nêu rõ số lượng, tầm bắn, số điểm bắn, thời gian, thời lượng và địa điểm dự kiến bắn pháo hoa nổ).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức.

(6) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

(7) Mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

(8) Kết quả thực hiện: Văn bản trả lời (đồng ý hoặc không đồng ý).

(9) Phí, lệ phí: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

- Quyết định số 2145/QĐ-BVHTTDL ngày 25/6/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền.

56. Phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh

(1) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch thì trong thời hạn tối đa 30 ngày, UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

(2) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình.

(2) Thuyết minh nội dung quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

(3) Bản sao ý kiến đồng ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh (Quy hoạch có nội dung cơ bản: Sự cần thiết lập quy hoạch; Căn cứ lập quy hoạch; Quan điểm và nguyên tắc; Mục tiêu quy hoạch; Các tiêu chí nội dung, nghệ thuật, kỹ thuật, kiến trúc, quy mô quy hoạch; Giải pháp thực hiện quy hoạch; Tổ chức thực hiện quy hoạch).

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

(4) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch thì trong thời hạn tối đa 30 ngày, UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.

Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp tỉnh.

Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không quy định.

(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt quy hoạch của UBND cấp tỉnh.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2013.

- Quyết định số 787/QĐ-BVHTTDL ngày 31/3/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

57. Điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh

(1) Trình tự thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thì trong thời hạn tối đa 30 ngày, UBND Tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

(2) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (số 03, đường Phạm Hữu Lầu, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) hoặc thông qua phần mềm quản lý văn bản iDesk.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình.

(2) Đề cương đề án công trình bao gồm: Sự cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch, nội dung tượng đài, tranh hoành tráng, địa điểm xây dựng, dự kiến quy mô, chất liệu, hình thức đầu tư, dự kiến tổng mức đầu tư, nguồn vốn và thời gian thực hiện.

- **Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

(4) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thì trong thời hạn tối đa 30 ngày, UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Tỉnh.

Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND Tỉnh.

Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không quy định.

(7) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản phê duyệt điều chỉnh quy hoạch của UBND cấp tỉnh.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2013.

- Quyết định số 787/QĐ-BVHTTDL ngày 31/3/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

58. Thủ tục cung cấp thông tin giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch (địa phương)

(1) Trình tự thực hiện:

(1) Chính quyền địa phương cấp dưới hoặc cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo sai lệch ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của tỉnh, thành phố đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi phát hiện hoặc nhận được thông tin, tài liệu, báo cáo sai lệch ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của tỉnh, thành phố, có trách nhiệm thông báo tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan để phục vụ công tác quản lý.

(3) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động triển khai các biện pháp thông tin, tuyên truyền để bảo vệ và nâng cao uy tín, hình ảnh của tỉnh, thành phố thông qua các hình thức sau đây:

- Ban hành Thông cáo báo chí giải thích, làm rõ thông tin sai lệch; người phát ngôn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn tỉnh, thành phố.

- Cử đại diện lãnh đạo hoặc người phát ngôn tham dự giao ban báo chí do Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội Nhà báo Việt Nam tổ chức để cung cấp thông tin giải thích, làm rõ cho các cơ quan báo chí khi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch yêu cầu.

- Đăng tải thông tin giải thích, làm rõ trên cổng/trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các sản phẩm truyền thông của các cơ quan thông tấn, báo chí và các phương tiện khác, bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

- Cung cấp thông tin để các cơ quan thông tấn, báo chí giải thích làm rõ, đấu tranh với các thông tin sai lệch.

- Tổ chức cung cấp thông tin cho các lực lượng tham gia hoạt động thông tin đối ngoại và đồng bào ở khu vực biên giới, gồm các nội dung: Giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch; quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới.

- Thông tin có nội dung bí mật nhà nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc qua môi trường điện tử.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thành phần hồ sơ:

(1) Thông tin, tài liệu, báo cáo sai lệch ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của tỉnh, thành phố.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC: Chính quyền địa phương cấp dưới hoặc cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC: Các biện pháp thông tin, tuyên truyền để bảo vệ và nâng cao uy tín, hình ảnh của tỉnh, thành phố được triển khai thực hiện.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Quyết định số 572/QĐ-BVHTTDL ngày 28/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước gồm các lĩnh vực: thông tin đối ngoại; báo chí; xuất bản, in và phát hành; hương ước, quy ước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

59. Thủ tục nộp xuất bản phẩm lưu chiều đối với xuất bản phẩm dạng in

(1) Trình tự thực hiện:

(1) Chậm nhất là 10 ngày trước khi phát hành, tất cả xuất bản phẩm phải nộp lưu chiều cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, cụ thể như sau:

- Cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp giấy phép xuất bản phải nộp 02 (hai) bản cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và 01 (một) bản cho Cục Xuất bản, In và Phát hành; trường hợp số lượng in dưới 300 (ba trăm) bản thì nộp 01 (một) bản cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 01 (một) bản cho Cục Xuất bản, In và Phát hành.

- Đối với xuất bản phẩm có sửa chữa, bổ sung thì thực hiện theo quy định như trên.

- Xuất bản phẩm có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì chỉ nộp tờ khai lưu chiều.

(2) Mỗi xuất bản phẩm khi nộp lưu chiều phải kèm theo 02 (hai) tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều theo mẫu quy định.

Thời điểm nộp xuất bản phẩm lưu chiều được xác định tại phần ký nhận của cơ quan nhận lưu chiều trong tờ khai lưu chiều.

(3) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức kho lưu chiều để thực hiện lưu giữ xuất bản phẩm lưu chiều trong thời gian 24 tháng để khai thác, sử dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Hết thời hạn lưu giữ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được chuyển giao xuất bản phẩm lưu chiều cho cơ quan, tổ chức khác để phục vụ bạn đọc. Việc chuyển giao xuất bản phẩm phải lập thành biên bản và có danh mục xuất bản phẩm kèm theo.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều (02 bản).

(2) Xuất bản phẩm nộp lưu chiều đúng số lượng quy định và đảm bảo yêu cầu: Trên trang in số giấy phép xuất bản, phải có dấu và chữ ký của lãnh đạo cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản hoặc người được lãnh đạo cơ quan, tổ chức ủy quyền bằng văn bản.

(4) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép xuất bản.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Cục Xuất bản, In và Phát hành.

(7) Kết quả thực hiện TTHC: Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều được xác nhận.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Xuất bản năm 2012.
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.
- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.
- Quyết định số 572/QĐ-BVHTTDL ngày 28/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước gồm các lĩnh vực: thông tin đối ngoại; báo chí; xuất bản, in và phát hành; hương ước, quy ước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(NẾU CÓ)
NHÀ XUẤT BẢN/CƠ
QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ KHAI

Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu và nộp xuất bản phẩm
cho Thư viện Quốc gia Việt Nam

Kính gửi:

1. Tên xuất bản phẩm:.....
2. Tên tác giả:.....; Tên dịch giả, biên dịch (nếu có);
.....
3. Họ và tên biên tập viên:.....
4. Số xác nhận đăng ký xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản:
ngày....tháng...năm...
5. Số Quyết định xuất bản (nếu có):.....ngày...tháng.....năm.....
6. Số tập:
.....
7. Lần xuất bản:
.....
8. Ngôn ngữ dịch (nếu là sách
dịch):.....
9. Ngôn ngữ xuất bản:
.....
10. Số lượng trang in (hoặc số byte dung lượng):.....trang (.....byte)
11. Khuôn khổ hoặc định dạng
tệp:.....
12. Số lượng in: bản
13. Tên và địa chỉ cơ sở in (nếu chế bản, in, gia công sau in tại nhiều cơ sở in
phải ghi đủ thông tin của từng cơ sở in):.....
.....
14. Giá bán lẻ trên xuất bản phẩm (nếu có):
.....
15. Địa chỉ website đăng tải hoặc tên nhà cung cấp xuất bản phẩm điện
tử:.....
16. Tên và địa chỉ của đối tác liên kết xuất bản (nếu có)
.....
17. Mã số sách chuẩn quốc tế - ISBN (nếu
có).....

NGƯỜI NỘP XUẤT BẢN PHẨM*(Ký tên, ghi rõ họ tên)***NGƯỜI NHẬN XUẤT BẢN PHẨM**

Đã nhận đủ số lượng xuất bản phẩm theo
quy định của Luật Xuất bản⁽⁵⁾

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)***GIÁM ĐỐC/TGĐ NXB****(NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CQ, TC)**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NHẬN
XUẤT BẢN PHẨM***..., ngày...tháng... năm...*

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

⁽⁵⁾ Xuất bản phẩm có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì chỉ nộp Tờ khai.

60. Thủ tục nộp xuất bản phẩm lưu chiều đối với xuất bản phẩm điện tử

(1) Trình tự thực hiện:

(1) Khi nộp lưu chiều xuất bản phẩm điện tử cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản phải nộp xuất bản phẩm điện tử dưới dạng 01 (một) bản ghi trong thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc nộp qua mạng Internet bằng định dạng số theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về định dạng tệp tin, âm thanh, hình ảnh và có chữ ký số kèm theo 02 (hai) tờ khai lưu chiều theo mẫu quy định.

Ngoài việc thực hiện quy định trên, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp để thực hiện nộp lưu chiều xuất bản phẩm qua mạng Internet và đảm bảo tính toàn vẹn của xuất bản phẩm nộp lưu chiều.

- Trường hợp nộp xuất bản phẩm điện tử qua mạng Internet phải thực hiện theo hướng dẫn về cách thức nộp trên Cổng thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trường hợp xuất bản phẩm điện tử được chứa trong thiết bị lưu trữ dữ liệu thì phải gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(2) Chậm nhất là 10 ngày trước khi phát hành, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản phải nộp lưu chiều xuất bản phẩm điện tử cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, cụ thể như sau:

- Cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp giấy phép xuất bản phải nộp lưu chiều xuất bản phẩm điện tử cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và đồng thời gửi cho Cục Xuất bản, In và Phát hành.

- Đối với trường hợp có sửa chữa, bổ sung thì thực hiện theo quy định tại điểm a như trên.

- Xuất bản phẩm có nội dung thuộc bí mật nhà nước, theo quy định của pháp luật thì chỉ nộp tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều.

(3) Mỗi xuất bản phẩm khi nộp lưu chiều phải kèm theo 02 (hai) tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều theo mẫu quy định.

Thời điểm nộp xuất bản phẩm lưu chiều được xác định tại phần ký xác nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận lưu chiều trong tờ khai lưu chiều.

(4) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ được sử dụng xuất bản phẩm điện tử lưu chiều để phục vụ công tác quản lý.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều (02 bản).

(2) 01 bản ghi trong thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc dữ liệu xuất bản phẩm nộp qua mạng internet định dạng số.

(4) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép xuất bản.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Cục Xuất bản, In và Phát hành.

(7) Kết quả thực hiện TTHC: Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiều được xác nhận.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai Nộp xuất bản phẩm lưu chiều và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Xuất bản năm 2012.
- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.
- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.
- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.
- Quyết định số 572/QĐ-BVHTTDL ngày 28/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước gồm các lĩnh vực: thông tin đối ngoại; báo chí; xuất bản, in và phát hành; hương ước, quy ước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)
NHÀ XUẤT BẢN/CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ KHAI

Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam

Kính gửi:

1. Tên xuất bản phẩm:.....
2. Tên tác giả:.....; Tên dịch giả, biên dịch (nếu có):
3. Họ và tên biên tập viên:.....
4. Số xác nhận đăng ký xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản: ngày tháng ... năm ...
5. Số Quyết định xuất bản (nếu có): ngày ... tháng năm
6. Số tập:
7. Lần xuất bản:
8. Ngôn ngữ dịch (nếu là sách dịch):
9. Ngôn ngữ xuất bản:
10. Số lượng trang in (hoặc số byte dung lượng):.....trang (.....byte)
11. Khuôn khổ hoặc định dạng tệp:.....
12. Số lượng in: bản
13. Tên và địa chỉ cơ sở in (nếu chế bản, in, gia công sau in tại nhiều cơ sở in phải ghi đủ thông tin của từng cơ sở in):.....
14. Giá bán lẻ trên xuất bản phẩm (nếu có):
15. Địa chỉ website đăng tải hoặc tên nhà cung cấp xuất bản phẩm điện tử: ..
16. Tên và địa chỉ của đối tác liên kết xuất bản (nếu có)
17. Mã số sách chuẩn quốc tế - ISBN (nếu có).....

NGƯỜI NỘP XUẤT BẢN PHẨM

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC/TGD NXB

(NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CQ, TC)

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

NGƯỜI NHẬN XUẤT BẢN PHẨM

Đã nhận đủ số lượng xuất bản phẩm theo
quy định của Luật Xuất bản⁽⁶⁾

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NHẬN
XUẤT BẢN PHẨM**

..., ngày...tháng... năm...

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

⁽⁶⁾ Xuất bản phẩm có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì chỉ nộp Tờ khai.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ

1. Thủ tục thành lập câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể

(1) *Trình tự thực hiện:*

- Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trình 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa điểm hoạt động.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận thành lập câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể và phê duyệt Quy chế hoạt động. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp.

(3) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị thành lập câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Danh sách thành viên Ban chủ nhiệm câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể gồm đại diện chủ thể di sản văn hóa phi vật thể, một số nghệ nhân được trao tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” và người thực hành theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) *Thời hạn giải quyết:* Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) *Đối tượng thực hiện:* Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

(6) *Cơ quan giải quyết:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

(7) *Kết quả thực hiện:* Quyết định.

(8) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

(9) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Văn bản đề nghị thành lập câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Danh sách thành viên Ban chủ nhiệm câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể gồm đại diện chủ thể di sản văn hóa phi vật thể, một số nghệ nhân được trao tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” và người thực hành theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(10) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện:* Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.
- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.
- Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 ngày 12 năm 2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ

Thành lập câu lạc bộ/nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể

.....(A).....

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu(B).....

.....(cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã).....

trân trọng đề nghị ... (B)... xem xét, cho phép thành lập câu lạc bộ/nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể ... (A)... (trong Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể hoặc di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê trên địa bàn) như sau:

I. Sự cần thiết và cơ sở thành lập

1. Sự cần thiết..... (C)

2. Cơ sở thành lập..... (D)

II. Tên câu lạc bộ/nhóm thực hành, tôn chỉ, mục đích

1. Tên câu lạc bộ/nhóm thực hành:..... (Đ)

2. Tôn chỉ, mục đích của câu lạc bộ/nhóm thực hành:..... (E)

III. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động và nhiệm vụ, quyền hạn

1. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động..... (G)

2. Nhiệm vụ, quyền hạn..... (H)

IV. Tài sản, tài chính và trụ sở ban đầu

1. Tài sản, tài chính đóng góp:

2. Nơi dự kiến đặt trụ sở của câu lạc bộ/nhóm thực hành:

V. Hồ sơ, gồm:..... (I)

Thông tin những người đại diện sáng lập câu lạc bộ/nhóm thực hành:

1. Họ và tên:

- Địa chỉ:

- Số Căn cước/Căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:.....

ngày cấp..... nơi cấp.....

- Số điện thoại:

2. Họ và tên (nếu có):

- Địa chỉ:

- Số Căn cước/Căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:.....

ngày cấp..... nơi cấp.....

- Số điện thoại:

3. Họ và tên (nếu có):

- Địa chỉ:

- Số Căn cước/Căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:.....
ngày cấp..... nơi cấp.....

- Số điện thoại:

Đề nghị.....(B).....xem xét, quyết định cho phép thành lập câu lạc bộ/nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể (A).....

Chúng tôi/(tên tổ chức) cam kết khả năng duy trì thực hành di sản văn hóa phi vật thể ...(A)... liên tục từ năm (05) năm trở lên và sẽ phối hợp chặt chẽ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN SÁNG LẬP CÂU
LẠC BỘ/NHÓM THỰC HÀNH**

(Ký và ghi rõ họ tên;

ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,

chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

*(Tên địa phương), ngày ... tháng ...
năm*

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN
CHUYÊN MÔN VỀ VĂN HÓA
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP XÃ**

(Ký và ghi rõ họ tên,

chức vụ người ký)

Ghi chú:

(A) Tên câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể dự kiến thành lập.

(B) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở câu lạc bộ/nhóm thực hành.

(C) Khái quát thực trạng di sản văn hóa phi vật thể câu lạc bộ dự kiến hoạt động và sự cần thiết thành lập câu lạc bộ/nhóm thực hành.

(D) Bảo đảm theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật liên quan (nếu có).

(Đ) Tên gọi bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc (nếu có) phù hợp với dự kiến hoạt động của câu lạc bộ/nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể và quy định của pháp luật.

(E) Xác định cụ thể tôn chỉ, mục đích phù hợp tên gọi, quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật có liên quan.

(G) Xác định cụ thể phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của câu lạc bộ/nhóm thực hành dự kiến hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật có liên quan.

(H) Nêu các nhiệm vụ, quyền hạn của câu lạc bộ/nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể phù hợp tên gọi và quy định tại Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.

(I) Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN
BAN CHỦ NHIỆM CÂU LẠC BỘ/NHÓM THỰC HÀNH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ.....

Địa chỉ trụ sở của câu lạc bộ/nhóm thực hành:.....

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số Căn cước/ Căn cước công dân/ Mã số định danh cá nhân	Điện thoại liên hệ	Danh hiệu (Nghệ nhân nhân dân/ Nghệ nhân ưu tú)	Kỹ năng thực hành di sản văn hóa phi vật thể
1						
2						
...						

2. Thủ tục đưa di vật, cổ vật thuộc sở hữu toàn dân đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước (cấp xã)

(1) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật, cổ vật đề nghị đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước gửi 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, tới Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định cho phép đưa di vật, cổ vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị đưa di vật, cổ vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước của cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật, cổ vật gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu số 32 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(2) Danh mục di vật, cổ vật đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước theo Mẫu số 33 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(3) Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng và kế hoạch về việc đưa di vật, cổ vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước giữa cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật, cổ vật và cơ quan, tổ chức tiếp nhận.

(4) Văn bản đề nghị được tiếp nhận di vật, cổ vật của cơ quan, tổ chức tiếp nhận gửi cơ quan, tổ chức chủ quản.

(5) Văn bản đồng ý của cơ quan, tổ chức chủ quản của cơ quan, tổ chức tiếp nhận.

(7) Phương án bảo đảm an ninh, an toàn, không gây hư hại cho di vật, cổ vật.

(8) Tài liệu khác (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

(4) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật, cổ vật.

(6) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

(7) Kết quả thực hiện: Quyết định.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Mẫu đơn, tờ khai:

- Văn bản đề nghị đưa di vật, cổ vật đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước của cơ quan, tổ chức được giao quản lý di vật, cổ vật, gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu số 32 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

- Danh mục di vật, cổ vật đưa đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước theo Mẫu số 33 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

- Quyết định số 5041/QĐ-BVHTTDL ngày 31 ngày 12 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

...(01)...

...(02)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

V/v đề nghị đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO

đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:(03).....

1. Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024 và Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa, đề nghị ... (Ủy ban nhân dân tỉnh/bộ/ngành/cơ quan/tổ chức ở trung ương)... cho phép thực hiện thủ tục đưa (số lượng)....,(có Danh mục kèm theo).... di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài.

(Nêu rõ mục đích đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài).

2. Nội dung/Kết quả dự kiến:.....

(- Đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi trưng bày ở trong nước/nước ngoài: Nêu rõ nội dung trưng bày;

- Đối với di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO được đưa đi nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước/nước ngoài: Nêu rõ lý do cần nghiên cứu hoặc bảo quản và kết quả dự kiến).

3. Thông tin về đối tác (bên tiếp nhận):.....

- Tên tổ chức:.....

- Người đứng đại diện theo pháp luật:.....

- Địa chỉ:..... - Quốc gia:.....

- Điện thoại:..... - Email:.....

4. Thời gian đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản:

- Thời gian đưa đi:

- Địa điểm trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản:.....

- Thời gian đưa về:

5. Cam kết đưa di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO về Việt Nam sau khi hoàn thành việc trưng bày, nghiên cứu, hoặc bảo quản và cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Tài liệu kèm theo:

-;
-;

CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

*(Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên,
chức vụ người ký (nếu là tổ chức))*

...(01)...
.....(02).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên địa phương), ngày ... tháng ... năm ...

**DANH MỤC DI VẬT/CỔ VẬT/BẢO VẬT QUỐC GIA/
DI SẢN TƯ LIỆU TRONG DANH MỤC QUỐC GIA VÀ
DANH MỤC CỦA UNESCO ĐƯA ĐI TRƯNG BÀY, NGHIÊN CỨU
HOẶC BẢO QUẢN CÓ THỜI HẠN Ở TRONG NƯỚC/NƯỚC NGOÀI**

STT	Tên di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và Danh mục của UNESCO	Chất liệu chính	Số lượng	Nơi lưu giữ	Niên đại	Kích thước (cm)	Số kiểm kê (nếu có)	Hình ảnh	Số và ngày đăng ký di vật, cổ vật/Quyết định công nhận bảo vật quốc gia/ghi danh di sản tư liệu
1									
...									

Tổng số di vật/cổ vật/bảo vật quốc gia/di sản tư liệu: ... (Bằng chữ: ...)

CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ người ký (nếu là tổ chức))

CHÚ THÍCH CHUNG CHO CÁC BIỂU MẪU:

(01): Tên cơ quan, tổ chức chủ quản (ví dụ: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương....)

(02): Tên cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm trình (ví dụ: cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh/cơ quan, đơn vị được các bộ/ngành/cơ quan, tổ chức ở trung ương giao trách nhiệm....)

(03): Tên cơ quan, đơn vị nhận/giải quyết hồ sơ (ví dụ: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch...)

(04): Tờ trình về việc:

+ Ghi danh/ghi danh bổ sung/hủy bỏ ghi danh (đối với di sản văn hóa phi vật thể/di sản tư liệu);

- + Công nhận/công nhận bổ sung/hủy bỏ công nhận (*đối với di sản thế giới/bảo vật quốc gia*);
- + Xếp hạng/xếp hạng bổ sung/hủy bỏ quyết định xếp hạng (*đối với di tích*);
- + Bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học/điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích (*đối với di tích*).

3. Thủ tục công nhận Quy ước

(1) Trình tự thực hiện:

(1) Trường hợp công nhận Quy ước lần đầu:

- Trưởng khu phố, khóm hoặc Trưởng ấp gửi hồ sơ đề nghị công nhận Quy ước tới Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất sau 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức cuộc họp cộng đồng dân cư thông qua Quy ước hoặc ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận Quy ước, công chức Văn hóa - Xã hội cấp xã chủ trì, phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận trong thời hạn chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị; trường hợp cần thiết, công chức Văn hóa - Xã hội đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì họp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng khu phố, khóm hoặc Trưởng ấp, Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư để xem xét, quyết định công nhận. Quyết định công nhận Quy ước thực hiện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ.

- Trường hợp không công nhận Quy ước thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Trường hợp công nhận Quy ước sửa đổi, bổ sung, thay thế:

- Trưởng khu phố, khóm hoặc Trưởng ấp tổ chức các bước thực hiện việc sửa đổi, bổ, thay thế Quy ước trong thời hạn được giao theo Quyết định tạm ngừng thực hiện Quy ước hoặc khi thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy ước.

- Trình tự xét công nhận Quy ước sửa đổi, bổ sung, thay thế thực hiện tương tự trường hợp (1).

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc qua môi trường điện tử.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị công nhận của Trưởng khu phố, khóm hoặc Trưởng ấp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ.

(2) Nghị quyết hoặc biên bản cuộc họp hoặc biên bản lấy ý kiến thông qua Quy ước theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ.

(3) Dự thảo Quy ước đã được thông qua.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC: Trưởng khu phố, khóm hoặc Trưởng ấp.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Công chức Văn hóa - Xã hội.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định công nhận Quy ước.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị công nhận của Trưởng khu phố, khóm hoặc Trưởng ấp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ.

- Nghị quyết hoặc biên bản cuộc họp hoặc biên bản lấy ý kiến thông qua Quy ước theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Quy ước được công nhận khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Phạm vi nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại các điều 5 và 6 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ.

- Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại các điều 4, 7, 8, 9 và 10 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

- Quyết định số 572/QĐ-BVHTTDL ngày 28/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước gồm các lĩnh vực: thông tin đối ngoại; báo chí; xuất bản, in và phát hành; hương ước, quy ước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... (1) .., ngày tháng..... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN QUY ƯỚC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ... (2)

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Trên cơ sở quyết định của cộng đồng dân cư... (1) họp/lấy ý kiến ngày...tháng....năm... về việc bàn thông qua Quy ước.

Cộng đồng dân cư... (1) ... thống nhất đề nghị Ủy ban nhân dân (2).... công nhận Quy ước... (1) ... *(Hồ sơ đề nghị công nhận Quy ước gửi kèm).*

Chúng tôi cam kết tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân.... (2)xem xét, công nhận.

Nơi nhận:

TM. CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ ... (1) ...

... **(3)** ...
(Ký)

Họ và tên

(1) Tên khu phố/khóm/ấp.

(2) Tên xã/phường.

(3) Trưởng khu phố/khóm/ấp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT/BIÊN BẢN CUỘC HỌP/BIÊN BẢN LẤY Ý KIẾN
thông qua Quy ước (1)

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Hôm nay, ngày ... (2), tại.... (3) ... cộng đồng dân cư... (1) đã tổ chức họp/lấy ý kiến thông qua Quy ước... (1).

1. Thành phần dự họp/lấy ý kiến:

- Tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư:....

- Số người đại diện hộ gia đình có mặt/Số người đại diện hộ gia đình trả lời ý kiến:.....

- Số hộ gia đình không có người đại diện tham dự/Số người đại diện hộ gia đình không trả lời ý kiến:.....

2. Nội dung cộng đồng dân cư bàn/lấy ý kiến về Quy ước ...(4) ...

3. Hình thức cộng đồng dân cư thông qua:... (5) ...

4. Kết quả biểu quyết tại cuộc họp/tổng hợp phiếu lấy ý kiến bằng phiếu của hộ gia đình (6):

- Số đại diện hộ gia đình tán thành:....

- Số đại diện hộ gia đình không tán thành:...

- Số đại diện hộ gia đình có ý kiến khác:...

Kết quả Quy ước ... (1) được thông qua/không được thông qua/tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư, đạt tỷ lệ:...(%)

5. Nội dung thông qua/không được thông qua của cộng đồng dân cư:... (4)

Nghị quyết/biên bản này được cộng đồng dân cư... (1) ...thống nhất nội dung và có đại diện ký xác nhận dưới đây.

02 ĐẠI DIỆN CÁC HỘ GIA ĐÌNH CỦA... (1)

(Ký)

TM. BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN... (1)

TRƯỞNG BAN

(Ký)

TM. CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ (1) ...

... (7) ...

(Ký)

Họ và tên

Nơi nhận:

.....

Họ và tên

Họ và tên

-
- (1) Tên khu phố/khóm/ấp.
 - (2) Cụ thể thời gian họp/lấy ý kiến: Ngày, tháng, năm.
 - (3) Địa điểm tổ chức cuộc họp/lấy ý kiến.
 - (4) Ghi rõ nội dung toàn văn hay một phần Quy ước.
 - (5) Ghi rõ hình thức họp (biểu quyết bằng hình thức giơ tay hay bỏ phiếu kín)/phát phiếu lấy ý kiến.
 - (6) Lấy ý kiến bằng phiếu ghi rõ số phiếu phát ra, số phiếu thu về/số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ.
 - (7) Trưởng khu phố/Trưởng nhóm/Trưởng ấp.

4. Thủ tục tạm ngừng thực hiện Quy ước khu phố, khóm, ấp

(1) Trình tự thực hiện:

- Trưởng khu phố, khóm hoặc Trưởng ấp, hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư phản ánh bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã khi phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ.

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh bằng văn bản hoặc qua kết quả rà soát, kiểm tra, kiến nghị sau giám sát của các cơ quan, tổ chức liên quan phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

+ Có văn bản gửi người phản ánh, kiến nghị nếu nội dung phản ánh, kiến nghị không có cơ sở.

+ Ban hành quyết định tạm ngừng thực hiện toàn bộ Quy ước đồng thời hướng dẫn cộng đồng dân cư tiến hành việc soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua Quy ước để đủ điều kiện đề nghị công nhận theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12.

+ Ban hành quyết định tạm ngừng thực hiện một phần Quy ước đồng thời hướng dẫn cộng đồng dân cư tiến hành việc sửa đổi, bổ sung, thay thế nội dung và công nhận hương ước, quy ước theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP đối với trường hợp quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 12.

- Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Quyết định tạm ngừng thực hiện Quy ước theo mẫu quy định đến Trưởng khu phố, khóm hoặc Trưởng ấp để thông báo đến cộng đồng dân cư và đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

- Quyết định tạm ngừng thực hiện Quy ước có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi có quyết định công nhận Quy ước đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục soạn thảo, lấy ý kiến và thông qua hoặc quyết định công nhận Quy ước được sửa đổi, bổ sung, thay thế của Ủy ban nhân dân cấp xã có hiệu lực.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc qua môi trường điện tử.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản phản ánh, kiến nghị khi phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC: Trưởng khu phố, khóm hoặc Trưởng ấp, hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư; cơ quan, tổ chức liên quan.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Công chức Văn hóa - Xã hội.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định tạm ngừng thực hiện Quy ước khu phố, khóm, ấp.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Quy ước bị tạm ngừng thực hiện toàn bộ đối với trường hợp quy định tại điểm a hoặc một phần đối với trường hợp quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP:

a) Không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, lấy ý kiến và thông qua quy định tại các điều 8, 9 và 10 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP.

b) Có nội dung không phù hợp với mục đích, nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước quy định tại các điều 3 và 4 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP.

c) Có nội dung không phù hợp với nguyên tắc xây dựng, thực hiện Quy ước quy định tại Điều 4 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP mà nếu áp dụng sẽ gây ra thiệt hại, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của cộng đồng dân cư.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

- Quyết định số 572/QĐ-BVHTTDL ngày 28/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước gồm các lĩnh vực: thông tin đối ngoại; báo chí; xuất bản, in và phát hành; hương ước, quy ước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Thủ tục bãi bỏ Quy ước

(1) Trình tự thực hiện:

- Trưởng khu phố, khóm hoặc Trưởng ấp, hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư phản ánh bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã khi phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 14 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản phản ánh hoặc qua kết quả rà soát, kiểm tra, kiến nghị sau giám sát của các cơ quan, tổ chức liên quan phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 14 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

+ Có văn bản gửi người phản ánh, kiến nghị nếu nội dung phản ánh, kiến nghị không có cơ sở.

+ Ban hành quyết định bãi bỏ toàn bộ Quy ước đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ.

+ Ban hành quyết định bãi bỏ một phần Quy ước đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ.

- Quyết định bãi bỏ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến Trưởng khu phố, khóm hoặc Trưởng ấp để thông báo đến cộng đồng dân cư và đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc qua môi trường điện tử.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản phản ánh, kiến nghị khi phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 14 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP .

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC: Trưởng khu phố, khóm hoặc Trưởng ấp.

(6) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Công chức Văn hóa - Xã hội.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

(7) Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bãi bỏ Quy ước khu phố, khóm, ấp.

(8) Phí, lệ phí: Không quy định.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Quy ước bị bãi bỏ toàn bộ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Có nội dung trái với quy định của pháp luật, xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của cộng đồng dân cư.

+ Bị tạm ngừng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP này nhưng đã hết thời hạn phải hoàn tất các thủ tục soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua để được công nhận quy định trong quyết định tạm ngừng thực hiện mà cộng đồng dân cư không hoàn tất các thủ tục này.

+ Không bảo đảm tỷ lệ thông qua quy định tại Điều 10 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP mà cộng đồng dân cư không thực hiện lại việc thông qua để bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

- Quy ước bị bãi bỏ một phần khi bị tạm ngừng thực hiện một phần theo quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP nhưng đã hết thời hạn phải sửa đổi, bổ sung, thay thế được quy định trong quyết định tạm ngừng thực hiện mà cộng đồng dân cư không thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế nội dung.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

- Quyết định số 572/QĐ-BVHTTDL ngày 28/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước gồm các lĩnh vực: thông tin đối ngoại; báo chí; xuất bản, in và phát hành; hương ước, quy ước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Xét tặng danh hiệu “Khu phố, khóm, ấp văn hóa”

(1) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trưởng khu phố, khóm, ấp gửi báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp để đánh giá, quyết định danh sách khu phố, khóm, ấp đủ điều kiện đề nghị xét tặng danh hiệu “Khu phố, khóm, ấp văn hóa”; công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc các hình thức khác (nếu có) để lấy ý kiến người dân trong thời hạn 10 ngày.

+ Bước 3: Hết thời hạn lấy ý kiến, nếu đủ điều kiện trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu (Mẫu số 11 của Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP) và giấy khen theo quy định.

- Việc xét tặng các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu phố, khóm, ấp văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” được thực hiện hàng năm và hoàn thành việc bình xét trước ngày 25/11.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Khu phố, khóm, ấp văn hóa” (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ).

(2) Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Khu phố, khóm, ấp văn hóa” (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ).

(3) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - khen thưởng xã/phường về việc bình xét danh hiệu “Khu phố, khóm, ấp văn hóa” (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC: Khu phố, khóm, ấp.

(6) Cơ quan thực hiện TTHC: UBND cấp xã.

(7) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định tặng danh hiệu “Khu phố, khóm, ấp văn hoá” của Chủ tịch UBND cấp xã.

(8) Phí, lệ phí: Không.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Khu phố, khóm, ấp văn hóa” (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ).

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

*** Không xét tặng danh hiệu Khu phố, khóm, ấp văn hóa đối với các trường hợp sau:**

Khu phố, khóm, ấp vi phạm một trong các trường hợp sau:

- Có khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.
- Có hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng;
- Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;
- Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;
- Quyết định của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định tiêu chuẩn, hướng dẫn đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu phố, khóm, ấp văn hóa”, “Xã, phường, tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

UBND XÃ/PHƯỜNG...(4)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND

.....(1)....., ngày.... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị xét tặng danh hiệu “Khu phố, khóm, ấp văn hóa”
năm(2)....**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường...(4)...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân tỉnh...(6)... quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu phố, khóm, ấp văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh...(6).....;

Xét thành tích của khu phố, khóm, ấp...(3) và Biên bản họp xét tặng danh hiệu “khu phố, khóm, ấp văn hóa” năm ...(2).. ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã/phường(4).....,

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường...(5)..... tỉnh(6).... xét tặng danh hiệu “khu phố, khóm, ấp văn hóa” năm ... (2)... cho các đơn vị có tên sau đây:

STT	Tên khu phố, khóm, ấp	Thành tích

*(Kèm theo Tờ trình: Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị trình khen; báo cáo thành tích).***Nơi nhận:**

- UBND...;
- Ban TDKT ...;
- Lưu: VT, ...(.)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG ...**CHỦ TỊCH***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “khu phố, khóm, ấp văn hóa”.
- (3) Tên khu phố, khóm, ấp.
- (4) Tên xã/phường.
- (5) Tên xã/phường trực thuộc tỉnh.
- (6) Tên tỉnh trực thuộc trung ương.

Mẫu số 05

UBND XÃ/PHƯỜNG...(4)...
KHU PHỐ, KHÓM, ẤP...(3)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....(1)....., ngày.... tháng ... năm ...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

đề nghị xét tặng danh hiệu “khu phố, xóm, ấp văn hóa” năm(2)....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường ...(4)...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân tỉnh ...(5)... quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu phố, xóm, ấp văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh...(5)....;

Khu phố, xóm, ấp...(3).... báo cáo những thành tích đã đạt được trong năm ...(2)...., cụ thể như sau:

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Nêu rõ đặc điểm, tình hình của khu phố, xóm, ấp...(3)... đề nghị xét tặng danh hiệu “khu phố, xóm, ấp văn hóa” năm ...(2) ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Nêu rõ những thành tích thôn/tổ dân phố ...(3)... đạt được trong năm ...(2)... theo các tiêu chuẩn của danh hiệu “khu phố, xóm, ấp văn hóa”.

TRƯỞNG KHU PHỐ, KHÓM, ẤP...(3)...

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG ...(4)....

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “khu phố, xóm, ấp văn hóa”.
- (3) Tên khu phố, xóm, ấp.
- (4) Tên xã/phường.
- (5) Tên tỉnh trực thuộc trung ương.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1)....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP

Hội đồng Thi đua, khen thưởng xã/phường(3)..... bình xét danh hiệu
“khu phố, khóm, ấp văn hóa” Năm ...(2)...

Thời gian: giờ phút, ngày tháng ... năm

Địa điểm:(5)

Hội đồng Thi đua, khen thưởng xã/phường(3)..... tiến hành họp bình xét danh hiệu “khu phố, khóm, ấp văn hóa” năm ...(2)....

Chủ trì cuộc họp:

Thư ký cuộc họp:

Các thành viên tham dự (vắng.....), gồm:

1. Chức vụ:.....

2. Chức vụ:.....

Sau khi nghe Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng xã/phường ...(3).... phổ biến tiêu chuẩn, điều kiện và tóm tắt thành tích của khu phố, khóm, ấp đủ điều kiện xét tặng danh hiệu “khu phố, khóm, ấp văn hóa” năm ...(2)....; Thông báo kết quả đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc các hình thức khác (nếu có) của xã, phường...(3)....Có ...(6)... ý kiến của người dân về Danh sách nêu trên (nêu rõ ý kiến - nếu có). Các thành viên tham dự họp thảo luận, biểu quyết (hoặc bỏ phiếu kín).

Kết quả: ...% thành viên dự họp nhất trí đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường(3)..... trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường(4)..... ban hành Quyết định tặng danh hiệu “khu phố, khóm, ấp” năm ...(2)... cho các đơn vị có tên sau:

STT	Tên khu phố, khóm, ấp	Thành tích

Cuộc họp kết thúc vào hồigiờ phút, ngày ... tháng năm...

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “khu phố, khóm, ấp văn hóa”.
- (3) Tên xã/phường.
- (4) Tên xã/phường trực thuộc tỉnh.
- (5) Địa điểm diễn ra cuộc họp.
- (6) Số lượng ý kiến người dân.

Mẫu số 11

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG...(4)...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

.....(1)....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Tặng danh hiệu “Khu phố, khóm, ấp văn hóa” năm ...(2)...****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG ...(4).....***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;**Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;**Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân tỉnh ...(5)... quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu phố, khóm, ấp văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh...(5).....;**Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường ...(3).....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Tặng các khu phố, khóm, ấp trong danh sách kèm theo Quyết định này danh hiệu “Khu phố, khóm, ấp văn hóa” năm ...(2).**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân xã/phường...(4)...., Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan và các khu phố, khóm, ấp có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

-
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Khu phố, khóm, ấp văn hóa”.
- (3) Tên xã/phường.
- (4) Tên xã/phường trực thuộc tỉnh.

(5) Tên tỉnh trực thuộc trung ương.

7. Xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”

(1) Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trưởng khu phố, khóm, ấp chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị xã hội ấp, họp đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn của từng hộ gia đình trong phạm vi quản lý.

+ Bước 2: Tổng hợp danh sách các hộ gia đình đủ điều kiện đề nghị xét tặng và thông báo công khai trên bảng tin công cộng hoặc các hình thức khác (nếu có) để lấy ý kiến người dân trong thời hạn 10 ngày.

+ Bước 3: Hết thời hạn lấy ý kiến, Trưởng khu phố, khóm, ấp lập hồ sơ theo quy định trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tặng danh hiệu. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

- Việc xét tặng các danh hiệu “Gia đình văn hóa” được thực hiện hàng năm và hoàn thành việc bình xét trước ngày 25/11.

(2) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản khu phố, khóm, ấp đề nghị UBND xã/phường về việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” (*Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ*).

(2) Bảng tổng hợp danh sách hộ gia đình đạt tiêu chuẩn và kết quả lấy ý kiến người dân (*Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ*).

(3) Biên bản họp bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa” (*Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ*).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(4) Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

(5) Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình.

(6) Cơ quan thực hiện TTHC: UBND cấp xã.

(7) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá” của Chủ tịch UBND cấp xã.

(8) Phí, lệ phí: Không.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” (*Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ*).

(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Không xét tặng danh hiệu Gia đình văn hoá đối với các trường hợp sau:

- Thành viên trong gia đình vi phạm một trong các trường hợp sau:

- + Bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- + Không hoàn thành nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ nộp thuế.
- + Bị xử phạt vi phạm hành chính về: Hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn; vi phạm quy định về kết hôn, ly hôn và vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng.
- + Bị xử phạt vi phạm hành chính về: Vi phạm quy định về trật tự công cộng; hành vi đánh bạc trái phép; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phòng, chống bạo lực gia đình.

(11) Căn cứ pháp lý của TTHC NB:

- Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng;
- Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;
- Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;
- Quyết định của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định tiêu chuẩn, hướng dẫn đánh giá, bình xét các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu phố, xóm, ấp văn hóa”, “Xã, phường, tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

UBND XÃ/PHƯỜNG ..(4).
KHU PHỐ, KHÓM, ẤP...(3)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....(1), ngày.... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

Xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm ...(2)...

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường ...(4)...

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân tỉnh...(5)... quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu phố, khóm, ấp văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh...(5)....;

Căn cứ Biên bản họp bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa” của Khu phố, khóm, ấp(3)...., Trưởng Khu phố, khóm, ấp...(3)... đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường(4).... tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” cho các hộ gia đình có tên sau đây:

STT	Tên hộ gia đình	Địa chỉ

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường(4)..... xem xét quyết định./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”.
- (3) Tên Khu phố, khóm, ấp.
- (4) Tên xã/phường.
- (5) Tên tỉnh trực thuộc trung ương.

UBND XÃ/PHƯỜNG ...(4).
KHU PHỐ, KHÓM, ẤP...(3)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....(1)....., ngày..... tháng ... năm ...

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH

Hộ gia đình xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm ...(2)... và kết quả lấy ý kiến người dân tại Khu phố, nhóm, ấp...(3)

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(5)... quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu phố, nhóm, ấp văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh ...(5)....;

Căn cứ Biên bản họp bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa” của Khu phố, nhóm, ấp(3)...., Trưởng Khu phố, nhóm, ấp...(3).... đã đăng tải Danh sách hộ gia đình đề nghị xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm(2).

STT	Tên hộ gia đình	Địa chỉ

Sau thời gian đăng tải công khai tại bảng tin của Khu phố, nhóm, ấp...(3)....Có ...(6)... ý kiến của người dân về Danh sách nêu trên (nêu rõ ý kiến - nếu có).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”.
- (3) Tên Khu phố, nhóm, ấp.
- (4) Tên xã/phường.
- (5) Tên tỉnh trực thuộc trung ương.
- (6) Số lượng ý kiến người dân.

UBND XÃ/PHƯỜNG ...(4)
KHU PHỐ, KHÓM, ẤP...(3)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....(1), ngày tháng ... năm ...

BIÊN BẢN HỌP

Khu phố, khóm, ấp...(3).. bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa” - Năm ...(2)

...

Thời gian: giờ phút, ngày tháng năm

Địa điểm:(5)

Khu phố, khóm, ấp...(3).. tiến hành họp bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm ...(2)....

Chủ trì cuộc họp:

Thư ký cuộc họp:

Các thành viên tham dự (vắng), gồm:

1. Chức vụ:.....

2. Chức vụ:.....

Sau khi nghe Trưởng Khu phố, khóm, ấp...(3).... phổ biến tiêu chuẩn, điều kiện và tóm tắt thành tích của hộ gia đình đủ điều kiện xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm ...(2)....; các thành viên tham dự họp thảo luận, biểu quyết.

Kết quả: ...% thành viên dự họp nhất trí đề nghị Trưởng Khu phố, khóm, ấp ...(3)... trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường ...(4)... ban hành Quyết định tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm ...(2).... cho các hộ gia đình có tên sau:

STT	Tên hộ gia đình	Địa chỉ

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờphút, ngày ... tháng năm.....

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”.
- (3) Tên Khu phố, khóm, ấp.
- (4) Tên xã/phường
- (5) Địa điểm diễn ra cuộc họp.